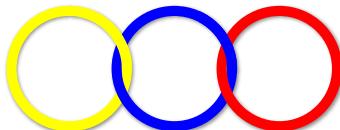


ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



PHƯƠNG LUYỆN KỶ
CỦA **ĐỨC HỘ PHÁP**

TÀI LIỆU CHÚ GIẢI NÀY KHÔNG PHỐ BIẾN CHỈ DÀNH RIÊNG
CHO ANH CHỊ EM TRONG ĐƯỜNG-LỐI **HÒA-BÌNH CHUNG-SỐNG**
CỦA **ĐỨC HỘ-PHÁP** ĐỂ HỌC TẬP

ẤN HÀNH NĂM TÂN HỢI 1971

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO** và được bổ túc những khiếm khuyết nhờ vào bản-in của HT. MAI VĂN TÌM . Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** và HT. MAI VĂN TÌM đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hẻu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 05/08/2014
Tâm Nguyên

PHƯƠNG LUYỆN KÝ

của ĐỨC HỘ-PHÁP

Mục Lục

▪ PHƯƠNG LUYỆN-KỶ	13
▪ LỜI CHỈ-DẪN CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP VỀ PHƯƠNG LUYỆN KỶ	15
▪ PHÂN DÃN-GIẢI.....	17
▪ PHƯƠNG LUYỆN-KỶ ĐẶNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI-ĐẠO.	21
▪ PHƯƠNG-PHÁP TRỊ TÂM VÌ TÂM LÀ HÌNH ẢNH THIÊN-LƯƠNG	35
▪ LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ	63
▪ 10 ĐIỀU CẤM-RĂN CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP RIÊNG CHO TÍN-ĐỒ PHẠM-MÔN PHƯỚC-THIỆN – THIÊN-HỈ- ĐỘNG	77

Tài liệu này không phổ biến chỉ dành riêng
cho Anh Chị Em trong đường lối Hòa-Bình
Chung-Sống để học tập
Ấn hành năm Tân Hợi / 1971

Kính thưa quý đọc giả, đạo hữu, đạo tâm,

Như đã ghi “*Tài liệu này không phổ biến chỉ dành riêng cho Anh Chị Em trong đường lối Hòa-Bình Chung-Sống để học tập*”. Tuy nhiên vì tài liệu kinh sách, đặc biệt là ở hải ngoại, quá hiếm hoi, nên chúng tôi mạo muội đánh máy lại và phát hành tập tài liệu này qua mạng lưới toàn cầu Internet.

Nếu có điều chi sơ-sót, kính xin Hội-Thánh và quý bậc cao minh chỉ giáo cho.



CHÂN DUNG ĐỨC HỘ-PHÁP

Thị trấn Lai Vung là trung tâm của huyện Lai Vung.

- Phái Siết thân thích, cùng với nhau, và
tay bà tên Nguyễn Thị, em Văn Linh, cùng
Chu Văn Linh.

Phas-án hàn và Wilson hóng.

Bài hành khôn, Hán vi ^{không}
Bài binh lính nghìn lối đánh chín cát
Hàng ván bay phô phô, bão rít kếp tay
Không khung súng vang, voi cung voi bò
cung bắn chíng, súng vang voi cung voi
khai vang voi chíng, súng vang voi chíng.

Đại úy lính, Khoa đồng. Khi thi

Đây là một điểm đặc biệt của quỹ đất doanh.

- Giết chết bò mìn bẩn - cõi bồn. Ông bà Cảnh

Will you have the coffee, Jane.

Thiêng-snap-hi-hiem-vi-tam-lai-kinh-anh
Thien-hiep

Như vậy khôn ngoan là khôn, và biến
ngôn là lèo cui bô lô lô và già

Đi gõ gõ sán, kè thè, cựa, cựu, chí kh
giết, phanh, bắn, cày, chém, gò, lăng.

—*Yi-chang-dao-fiber*, *yi-chang-shang*, *Dong-ho*
—*Yi-chang-dao-fiber*, *yi-chang-shang*, *Dong-ho*

Tháng Hai - Khi nó mồi, tát không được
- al giờ, - ah.

Van nhon nghiai tu lao tam

Lấy Lersh quay về - dâng mò tám h'í
Hết hòe -

Lay chanh tui ta
Lay la deong lucin la vay

Sigma Upsilon Mu Nu Kappa

- Ông thuộc hinh Phat

Fu, tinh tinh khie

đến không thành mè mòi. Khi gõ cửa
và Phút Ở sau

Chia chia khía, chia, chia, chia.

Quai tháp kẽm này

ĐẠI-ĐẠO-TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

Nhị thập nhị niên

Tòa-Thánh Tây-Ninh

Văn-Phòng Hộ-Pháp-Đường, Số: 209

PHƯƠNG LUYỆN KỶ

ĐẶNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI-ĐẠO

Phải biết thân-thích cùng cả nhơn vật tức là tìm
nguyên do của Vạn-Linh cùng Chí-Linh.

Phải ân-hậu và khoan-hồng.

Phải thanh-nhàn đừng vị-kỷ.

Phải bình-tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh-hưởng
của họa, phước, buồn, vui (tập tánh không không
đừng niềm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng
đừng để nọc buồn vui thẩm vào chơn tánh).

Phải độ-lượng, khoan-dung, tha-thứ.

Phải vui-vẻ, điêu-hoà, tự-chủ, và quyết-đoán.

Giữ linh-tâm làm căn bốn.

Hiếu-hạnh với Chí-Tôn và Phật-Mẫu.

PHƯƠNG-PHÁP TRỊ TÂM

VÌ TÂM LÀ HÌNH ÂM H CỦA THIỀN-LƯƠNG

Đức-tin và khôn-ngoan là kho chí bửu, ngoài
ra là của bỎ, là đõ vô giá.

Ai dã cố oán kẻ thù của mình, thì khó

giữ thanh tâm công-chánh choặng.

Ai chẳng oán hận mới thảng lặng kẻ thù
nghịch cùng mình.

Sự cừu hận là mối thảm khốc đệ nhứt của nhơn
sanh, nên người hiền thì không biết đến, hay là từ bỏ
cừu hận oán ghét.

Thảng lặng khí nộ mình, thì không chọc ai
giận dữ.

Lấy thiện mà trừ ác.

Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo tàn.

Lấy lòng quảng-đạiặng mở tâm-lý hẹp-hội.

Lấy chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ kiếm.

LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ

Ẩm-thực tinh-khiết.

Tư-tưởng tinh-khiết.

Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-Tôn và Phật-
Mẫu.

Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế nầy.

*Tòa-Thánh, ngày 14 tháng Giêng năm Đinh-Hợi
(1947)*

Hộ-Pháp

(Ký tên và đóng dấu)

LỜI CHỈ-DẪN CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP VỀ PHƯƠNG LUYỆN KỸ

Muốn đi con đường thứ ba
phải tập mình đừng ham muốn các
điều chỉ cho mình nữa.

Hành-tàng của Chí-Tôn là
phận-sự của mình.

Phải yêu-áí với Chí-Tôn và
Phật-Mẫu, cái yêu-áí và hiếu-hạnh
ấy phải là phi-thường do tâm-linh
điều khiển.

Phải thương-yêu nhơn-sanh và
vật-loại hon mình và coi đồng thề,
đồng sanh với mình.

Phải tạo dựng cố thủ thâm tâm
cho nenh chí Thánh, và đoạt đủ ba
ngàn công-quả thì sẽ đi êm bước
đặng và mới vững-vàng thắng muôn
điều trở ngại.

HỘ-PHÁP

PHẦN DẪN-GIẢI



LỜI NÓI ĐẦU

MỘT VIÊN NGỌC QUÍ không trau giồi sẽ trở thành lu mờ, mất giá-trị. Nhưng người ta chịu khó giồi mà, nó sẽ trở nên sáng chói tốt tươi.

Con người cũng vậy, vốn tối linh hơn vạn-vật, nhưng đã sanh ra trong chốn bụi hồng, tiêm-nhiễm biết bao thói hư tật xấu, tánh ác lẩn lộn tánh thiện, nếu không tu luyện, bỏ dở theo lành, tánh ác càng ngày càng bộc lộ che khuất ánh sáng của Thiên-lương, thì khác nào viên ngọc không giũa không mài.

Muốn tập sửa, trau giồi tâm tánh trở nên chí thiện, phải gắng công bền chí, tập luyện có phương-pháp mới thành công được. Phương-pháp áp-dụng đó là Phương Luyện Kỷ của Đức Hộ-Pháp ban cho chúng ta từ ngày 14 tháng Giêng năm Đinh-Hợi (1947).

Khi bắt đầu thực-hành “*Phương Luyện Kỷ*” ta phải thành tâm, tận dụng trí não nhận định cho được tánh nào là Thiện, tánh nào là Ác, cũng như phải biết phân biệt phải, trái lẩn lộn trong bản thân, nhiên hậu ta mới thực-hành Phương Luyện Kỷ được.

Phương Luyện Kỷ cũng như phép Tu Thân của Nho-Giáo xưa kia đã áp-dụng một cách kiến-hiệu. Trước hết phải Cách-vật, Trí-tri, Thành-Ý, Chánh-Tâm rồi mới Tu Thân.

- Cách-vật là phải đi đến, đụng phải vật đó, tức là thông suốt sự vật, mở rộng kiến văn.
- Trí-tri là biết cho rõ để khỏi nghi hoặc, biết biệt phân phái trái.
- Thành-Ý là giữ ý cho thành thật, không tự dối mình.
- Chánh-Tâm là giữ Tâm cho ngay thẳng.

Muốn phân biệt được phái, trái, thiện, ác để tu sửa bản thân, cần chú ý vào hai điểm: *Tự xét mình và phục thiện*.

1.- TỰ XÉT MÌNH LÀ TỰ VẤN LƯƠNG-TÂM, TỰ MÌNH NHÌN MÌNH MÀ KIỂM-ĐIỂM LỐI LÂM.

Không một Tòa-Án nào phán quyết mình chánh bằng Tòa-Án lương-tâm. Người ngoại cuộc có thể khen ta những điều không đáng khen, chê ta những điều không đáng chê, nhận định sai lầm. Nhưng Tòa-Án lương-tâm không sai lầm nếu chúng ta thành tâm, thật ý, vô tư xét lại điều mình đã nghĩ, đã nói, đã làm thì thấy rõ lỗi lầm của chúng ta như thấy hạt bụi trong ly nước trong ngắn.

Khi biết tự xét mình là đã chứng tỏ cái lòng ngay thật, cái thiện chí muốn tu thân để hiểu rõ chân tướng của bản-ngã mà sống thật với lòng mình. Nếu thiếu tinh-thần tự xét thì đời sống con người phóng-túng, ngang-tàng, phạm tội mà không biết tội, nhận tội, nên thường tự mãn, tự cao, tội-lỗi càng ngày càng chồng-chất.

Các bậc Thánh-Nhân hăng ngày tự kiểm-soát lấy mình, tự xét lấy mình như Thầy Trình-Tử xưa kia.

“Mỗi khi làm được một việc Thiện, Thầy bỏ một hột đậu trắng vào trong bình. Mỗi khi làm-lỗi, Thầy lại bỏ một

hột đậu đen vào trong bình. Cứ mỗi ngày Thầy lại đổ đậu trong bình ra đếm để kiểm-diểm xem đã làm bao nhiêu điều xấu, bao nhiêu điều tốt trong ngày.

Lúc ban đầu đậu đen nhiều, đậu trắng ít, Thầy cố gắng tập sửa thêm nữa cho đến khi không bỏ đậu đen vào bình nữa mới thôi”.

Nhờ chú trọng đến việc tu thân mà Thầy Trình-Tử đã trở thành một bậc hiền-triết thời xưa.

2.- PHỤC THIỆN LÀ CÓ THIỆN-CHÍ NHÌN NHẬN LỄ PHẢI VÀ THẬT-HÀNH LỄ PHẢI. NẾU BIẾT TỰ XÉT THÌ PHẢI BIẾT PHỤC THIỆN, HAI YẾU-TỐ ĐÓ ĐI ĐÔI MỚI ĐƯỢC HOÀN-HẢO.

Tinh-thần phục thiện là tinh-thần sửa chữa lỗi lầm, thành-thật cải tạo và canh tân. Thông thường, người ta vì thờ-ơ hoặc tự-ái, hoặc tự dối mình mà không chịu sửa chữa lỗi lầm.

Vậy biết lỗi là một điều cần, nhưng vui lòng sửa lỗi lại rất cần và đáng quý hơn.

Ngoài việc tự xét để biết lỗi của mình, mình còn được người ngoài thấy lỗi của mình mà chỉ bảo, trong trường hợp đó ta nên vui-vẻ chấp nhận với tinh-thần phục thiện.

Nói về tinh-thần phục thiện, Thầy Mạnh-Tử có đề cập đến vua Vũ và Thầy Tử-Lộ như sau:

“Vũ văn thiện ngôn tắc báu. Tử-Lộ nhân cáo chi hưu quá tắc hỉ”. Nghĩa là: “Vua Vũ khi nghe được lời nói phải thì chấp tay bái tạ. Thầy Tử-Lộ khi được nghe người chỉ lỗi cho thì tỏ vẻ vui mừng”.

Biết lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi là những đức-tính cần

thiết của phép Tu Thân.

Phương Luyện Kỷ của Đức Hộ-Pháp chẳng những giúp ta về việc tu thân xử thế mà còn dạy ta bí-quyết thành công trong việc tu chơn tâm Pháp để đoạt Đạo. Đó là chìa khóa mở trí khai tâm tiến đến nẻo siêu phàm nhập Thánh.

Nếu học Phương Luyện Kỷ rồi bỏ qua, không phản-tỉnh, chẳng phục thiện, không dốc chí thật hành trau luyện công phu để rồi tánh nào hờn tật này thì rất uổng cho sự học tập, không thu lượm được kết-quả chi.

Lời dẫn-giải “*Phương Luyện Kỷ*” trong những trang sau đây có tính-cách học tập trong phạm-vi nội bộ, nếu có điều chi sơ-sót xin quý Tín-hữu vui lòng đóng góp thêm cho được hoàn-hảo, chúng tôi rất hân-hạnh đón nhận.

Mùa Thu năm Tân-Hợi 1971

Ban Thông-Nhứt

CSHBCS của Đức Hộ-Pháp

PHƯƠNG LUYỆN-KÝ

ĐĂNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI-ĐẠO



LUYỆN-KÝ là sửa mình, hay là phương-pháp tu thân của con người.

Trên phương-diện “*Nhân-sinh-quan*”, con người là một thực thể linh-hoạt, tối linh hơn tất cả muôn loài. Con người có tâm hồn, có tư-tưởng, có tình cảm, có trí khôn, có khả năng sáng tạo và tiến-bộ không ngừng.

Vì nhu cầu vật-chất, loài người đã cỗ-gắng phát minh cơ năng hữu-tướng đến mức tận mĩ, quên lăng sự trau tâm sửa mình để trở nên tận thiện. Vì nặng vật-chất hơn tinh-thần nên nhơn-loại đã bôn xu trên nẻo lợi đường danh gây nhiều tội ác, nghịch thù, xô-xát chém giết lẩn nhau, tạo cảnh chiến-tranh thảm khốc là tai họa đương nhiên dẫn-dắt đến cơ tận diệt.

Cho nên lấy sự tận thiện của tinh-thần kềm chế đà tiến-triển của sự tận mĩ vật-chất tức là giục tấn theo Đạo Trung-Dung, tạo cơ chuyển thế, lập đời Minh-Đức Tân-Dân, tận thiện và tận mĩ.

Con đường thứ ba Đại-Đạo là con đường nào?

Luận xét theo lời chỉ-dẫn về Phương Luyện Ký của Đức Hộ-Pháp ở trang 2 đoạn trước, chúng ta nhận thấy có mấy điểm căn bản:

“*Bảo thủ cho được cái Tâm, tạo dựng cái Tâm cho nên chí Thánh. Muốn được vậy, phải tập mình đừng ham muốn các điều chi cho mình nữa, phải quên mình để phụng sự cho*

Vạn-Linh, đoạt cho được ba ngàn công-quả. Thương yêu nhơn-sanh và vật loại hòn mình và coi đồng thể đồng sanh với mình. Nhìn vào hành-tàng và sự thương yêu của Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu đối cùng Vạn-Linh thế nào, chúng ta tập theo thế ấy, đó mới chính là phận-sự của mình. Đoạn chót của Phương Luyện Kỷ có câu:

.....

Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế này. Như vậy, có thể nói: Vào con đường thứ ba là tạo cho được cái Tâm chí Thiện chí Ái để bước vào Bát-Quái-Đài.

Luận cách khác:

Con người có 3 thể: Xác thân, Chơn-Thần, và Linh-Hồn. Đó là Tam-Bửu: Tinh, Khí, Thần đối chiếu với Tam-Thể của Đại-Đạo là: Cửu-Trùng-Đài, Hiệp-Thiên-Đài và Bát- Quái-Đài.

Cửu-Trùng-Đài là hình-thể của Đạo, thuộc Tinh.

Hiệp-Thiên-Đài là Chơn-Thần của Đạo, thuộc Khí.

Bát-Quái-Đài là Linh-Hồn của Đạo, thuộc Thần.

Thể thứ nhất là Tinh, thể thứ nhì là Khí, thể thứ ba là Thần. Đi vào con đường thứ ba Đại-Đạo tức là bước vào ngưỡng cửa Bát-Quái-Đài là nơi Tòa ngự của Đức Chí-Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Vì khi con người đã thực-hành được các điều mục trong Phương Luyện Kỷ là đắc Đạo tại thế rồi vậy.

PHẢI BIẾT THÂN-THÍCH CÙNG CẢ NHƠN VẬT TỨC LÀ TÌM NGUYÊN DO CỦA VẠN-LINH CÙNG CHÍ-LINH

Đấng Tạo-Hóa hóa sanh muôn vật, Đấng ấy là
Đấng Chí-Linh tức là Trời.

Đấng Chí-Linh sinh ra Vạn-Linh, do đó mới có muôn loài vạn-vật từ vật-chất, thảo-mộc, thú-cầm đến loài người là phẩm đứng đầu khôn ngoan hơn vạn-vật. Thế nên, người và vạn-vật là bạn đồng-sanh, cùng chung một nguồn cội, con chung của hai Đấng Tạo-Đoan, một Ông Cha và một Bà Mẹ Thiêng-Liêng là Đức Chí-Tôn và Đức Phật-Mẫu. Như vậy thì đâu cho cỏ cây, sắt đá đến chí thú-cầm và loài người, thảy thảy đều thọ tánh linh của Tạo-Hóa, nhưng sở dĩ phải phân ra cấp bậc sang hèn, hình-thức khác nhau là vì người đi trước kẽ đi sau trong trường thi tấn-hóa của cơ luân chuyển.

Là bạn đồng-sanh, chẳng những chúng ta phải biết bảo trọng mạng sống cho nhau trong tình nhơn-loại, mà chúng ta phải quý trọng mạng sống của muôn loài với tình thương vô tận cho hạp tánh đức háo-sanh của Tạo-Hóa để dùi đỡ nhau trên bước đường tấn-hóa hầu đi tốt phẩm tới Đấng Chí-Linh.

Xin trích lời Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp ngày 29 tháng 7 Canh-Dần (1950):

“Con người cũng một phần trong vạn-vật. Đức Chí-Tôn định cho loài người làm chúa của vạn-vật là tại sao? – Bởi con người có tánh linh hơn vạn-vật là biết thương yêu bảo tồn chúng nó, ví như mình thương yêu con gà, con chó mình mới nuôi để cho nó sanh hóa ra nhiều. Hoặc mình thương cái cây, cái trái mới gieo trồng nó, vô phần tươi nước cho

được sung mãn nảy nở thêm ra, mới xứng đáng làm chúa của vạn-vật”.

Tóm lại, tất cả muôn loài, cầm-thú, côn-trùng, thảo-mộc, v.v... cũng như loài người, vốn là bạn đồng-sanh cùng một nguồn-gốc nơi Đấng Chí-Linh. Chúng ta phải biết thân-thích, tức là gần-gũi thương yêu hơn là bạo-đãi sát hại một cách vô tâm mà trái với đức háo-sanh của Thượng-Đế.

PHẢI ÂN HẬU VÀ KHOAN HỒNG

Ân là ơn, **Hậu** là dày-dặn.

Ân-hậu là thi ân nhiều, làm ơn không biết chán. Người ân-hậu là người có ân đức rộng lớn, ăn ở có thỉ có chung, trước cũng như sau không thay dạ đổi lòng. Dẫu gặp cảnh giàu hay nghèo, đối xử với người vẫn giữ một mực, biết trọng nghĩa khinh tài, thi ân bất cầu báo, lưu nhơn tình cùng tất cả mọi người không bao giờ phai lợt.

Khoan-hồng là lòng rộng lượng, quảng đại, không cố chấp. Lấy tánh khoáng đạt rộng- rãi đối xử với người, không nhở nhen, hẹp hòi.

Ân-hậu và khoan-hồng là hai đức tính liên quan với nhau nên đã được ghép chung thành một danh-từ khoan-hậu, là tấm lòng rộng-rãi, đức-cđộ dày-dặn.

Một sự tích về lòng khoan-hậu:

BÀO-THÚC-NHA VÀ QUẢN-TRỌNG

Bào-Thúc-Nha chết, Quản-Trọng thương tiếc, khóc rất thảm-thiết, nước mắt ướt đầm cả vạt áo.

Có người hỏi: – Ông với Bào-Thúc không phải là họ hàng thân-thích gì, mà sao ông khóc quá như vậy?

Quản-Trọng nói: – Người không rõ, để ta nói cho mà nghe. Ta lúc nhở khốn-khổ, thường buôn bán chung với Bào-Thúc. Lúc chia lời bao giờ ta cũng lấy phần hơn mà Bào-Thúc không cho ta là tham, biết ta gấp cẩn quẩn bách bất đắc dĩ phải lấy như thế. Ta ở chợ búa thường bị lăm kẽ dọa nạt, Bào-Thúc không cho ta là nhác, biết ta có bụng bao dung. Ta bàn việc với Bào-Thúc nhiều khi việc hui hỏng, Bào-Thúc không cho ta là ngu, biết lúc may lúc rủi cho nên công việc có thành có bại. Ta ba lần ra làm quan, ba lần bị bãi, Bào-Thúc không cho là bất lực, biết ta chưa gặp thời. Ta ra trận ba lần đánh thua cả ba, Bào-Thúc không cho ta là bất tài, biết ta còn mẹ già để phụng-duưỡng. Ta nhẫn-nhục thờ vua Hoàn-Công, Bào-Thúc không cho ta là vô sĩ, biết ta có chí làm ích-lợi cho cả thiên-hạ.

Sanh ra ta là cha mẹ, biết ta là Bào-Thúc, ta thương khóc thế này đã thấm vào đâu!

(Rút trong Cổ-Học Tình-Hoa)

Trên đời, Bá-Nha và Tử-Kỳ được người ta gọi là bạn tri-âm. Còn Bào-Thúc-Nha và Quản-Trọng người ta gọi là bạn tri-kỷ.

Bào-Thúc-Nha chẳng những là bạn tri-kỷ, còn có thể gọi là người khoan-hậu đối với Quản-Trọng.

PHẢI THANH NHÀN, ĐỪNG VỊ-KỶ

Phải thanh nhàn: Chúng ta phải để tâm hồn được thảm-thƠI, không nên quá ràng buộc mình vào vòng

danh-lợi, phải lao tâm nhọc trí.

Chúng ta sống trong cảnh phồn-hoa vật-chất, thường chịu ảnh-hưởng của ngoại cảnh thế tình, tâm trí không bao giờ được yên tĩnh do lục-dục thất-tình khuấy động. Cho nên muôn được thanh-nhàn cần gột bỏ Tham, Sân, Si là nguồn-gốc đưa con người đến chồ ham, mê, thù, giận. Một khi trói buộc vào các tánh ấy thì tâm hồn chúng ta lúc nào cũng bận rộn, không thảnh-thơi. Vì thế, cần hạn chế những sự ham muốn thái quá thì lòng được cởi mở, tho-thới ung-dung.

Người thanh-nhàn lúc nào cũng biết an phận thủ thường, không đứng núi này trông núi nọ. Biết “thích ký tự an” hoặc “tùng ngộ nhi an” nghĩa là biết an vui với số phận mà “lạc tại kỳ trung”.

MỘT SỰ TÍCH “THÍCH KÝ TỰ AN”

Đức Khổng-Tử đi chơi núi Thái-Sơn, gặp ông Vinh-Khai-Kỳ ngao du ở ngoài đồng, mặc áo cùu, thắc lưng dây, tay khải đàn cầm, vừa đi vừa hát.

Đức Khổng-Tử hỏi: “*Tiên-sinh làm thế nào mà thường vui-vẻ thế?*”

Ông Vinh-Khai-Kỳ nói: “*Trời sinh muôn vật, loài người quý nhất, mà ta được làm người, đó là một điều đáng vui. Trong loài người, đàn ông quý hơn đàn bà, mà ta được làm đàn ông, đó là hai điều đáng vui. Người ta sanh ra, có người đui què, có người non yếu, mà ta khỏe mạnh nay đã chín mươi tuổi, là ba điều đáng vui... Còn cái nghèo là sự thường của thế gian, cái chết là sự hết của đời người. Ta nay ở phận thủ thường đợi lúc chết thì có gì là lo buồn*”.

Đức Khổng-Tử nói: “*Phải lầm! Thế là Tiên-Sinh biết cách tự làm cho khoan-khoái mà hưởng sự vui thú ở đời*”.

Cái vui sướng không ở đâu xa, mà ở ngay trong mình. Không ở sự giàu sang, mà ở trong tâm yên vui. Hết biết sung-sướng thì được sung-sướng.

Những bậc Thánh-Nhơn biết “*tri túc*” nghĩa là biết “*đủ với mình*” hay nói cách khác là “*không thấy mình túng thiếu hay bị ràng buộc bởi điều chi cả*” thì mới được an-nhàn tự-toại.

Nhà Hiền-Triết Hy-Lạp Epicure có câu: “*Se suffire à soi-même c'est posséder le plus précieux des biens: la Liberté*”. Nghĩa là: Tự-túc là có được một thứ của quý nhứt trên đời: Sự tự-do.

Như vậy, thanh nhàn là “*Tự-do của tâm-hồn*”.

ĐỨNG VỊ-KÝ

Ký là Ta, là Bản-ngã (le Moi).

Vị-ký là chỉ biết có Ta, vì Ta, người như thế hoàn toàn ích-ký (Égoiste).

Phản nghĩa với «*vị-ký*» là «*vị-tha*» hay là «*vô ngã*» (la négation de soi), nghĩa là không có Ta.

Vì chỉ biết ích-lợi riêng cho mình nên không kể đến người. Vì quá bảo-thủ cho bản thân mà quên mất sự sống còn của người khác. Do đó, tấm lòng từ-thiện không nảy-nở được để tế khốn phò nguy, giúp kẻ yếu cô hoạn nạn. Nếu mỗi cá nhân giữ tánh ích-ký đó thì đời sống mặc ai nấy lo, chỉ biết sống riêng không biết sống chung, không

còn sự liên quan mật thiết giữa loài người trong xã hội, do đó nảy sanh sự ganh đua, giành giụt, mầm chiến-tranh mới manh-nha xuất phát.

Người tu hành xả thân vì Đạo nên xem thường bản-
ngã; không vị kỷ để lo sự lợi ích cho chúng sanh. Trong bài
“Chuyển pháp luân” Phật dạy rằng: *Phải trừ tuyệt dục-vọng
và tánh ích kỷ để xả thân giúp đời, đó mới thật là vô ngã.*
Vô ngã cũng có nghĩa là diệt cái tánh chia rẽ, đừng coi
mình khác với người.

Trong Tứ-Đại-Điều-Qui có câu:

*“Quên mình mà làm nên cho người,
Giúp người nên Đạo,
Đừng nhớ cứu riêng, chờ che lấp người hiền.”*

PHẢI BÌNH TĨNH, NGHĨA LÀ ĐỪNG CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA HỌA PHƯỚC BUỒN VUI (TẬP TÁNH KHÔNG KHÔNG ĐỪNG NHIỄM, VUI CÙNG VUI, BUỒN CÙNG BUỒN, NHƯNG ĐỪNG ĐỂ NỌC BUỒN VUI THẤM VÀO CHƠN TÁNH)

Bình-tĩnh là bí-quyết của thành công, cũng là một
đức-tính cần thiết cho người tu hành nói riêng, cho tất
cả mọi người nói chung.

Dẫu ai dèm pha chê trách mình điều gì cũng đừng
nên vội giận. Nghe thấy ai khen điều gì cũng chưa nên
vội mừng. Không quá vui vì được phước, mà cũng đừng
quá buồn khi gặp tai họa.

Con người có lương-tri, lương-năng tức là có cảm-
giác, nên khi gặp vui cũng vui, gặp buồn cũng buồn, nhưng
đừng để nọc buồn vui ăn sâu vào tâm tánh, làm mất sự

bình tĩnh tự nhiên thành ra tâm ý xao động, không còn đủ sáng-suốt để nhận định mọi việc.

Có bình tĩnh mới giữ được tánh không khồng, lục-dục thất-tình không chi phổi mìnhs được, linh tâm mới mãn huệ cách-vật, trí-tri.

(*Trường hợp Đức Khổng-Tử bị tuyệt lương ở Trần, Thái – Ngài vẫn vui-vẻ khải dòn. Tôn-Trung-Sơn ở Luân-Dôn nhận được điện-tín mời về nước để nhận chức Tổng-Thống làm thời, Tiên-Sinh vẫn thản nhiên như không có việc đó*).

PHẢI ĐỘ LƯỢNG, KHOAN-DUNG VÀ THA-THÚ

Độ-lượng là đo lường, xử sự có chừng mực, không thái quá, không bất cập.

Phàm muốn giải-quyết một vấn-đề gì hay làm một điều gì cần cân nhắc kỹ-lưỡng. Phê phán người lầm lỗi phải nắm vững tình lý, hoàn cảnh, thời gian, xét trước xem sau để nhận-định cho công-minh.

Người độ-lượng làm việc gì cũng đắn-đo, nói ra lời gì cũng suy nghĩ trước, không vui đâu chúc đó, không thương ai nên tốt, ghét ai nên xấu.

“*Thương ai thương cả lối đi,
Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng*”.

Vua nước Vệ, buổi trước rất yêu Di-Tử-Hà. Luật-pháp nước Vệ, ai đi trộm xe của vua thì phải tội chặt chân. Mẹ Di-Tử-Hà đau nặng, đêm khuya có người đến gọi, Di-Tử-Hà vội-vàng lấy xe vua ra đi, vua nghe thấy khen rằng:

– “Có hiểu thật! Vì hết lòng với mẹ mà quên cả tội chặt chân.”

Lại một hôm, Di-Tử-Hà theo vua đi chơi ở ngoài vườn, đang ăn quả đào thay ngọt, còn một nửa cho vua ăn. Vua nói: “Yêu ta thật, của đang ngon miệng mà biết để nhường ta.”

Về sau, vua không có lòng yêu Di-Tử-Hà như trước nữa. Một hôm, Di-Tử-Hà phạm lỗi, vua giận nói rằng: “Di-Tử-Hà trước dám tự tiện lấy xe của ta đi. Lại một bạn dám cho ta ăn quả đào thừa, thật đáng tội với ta đã lâu ngày”. Nói xong bắt đem ra trị tội.

Ôi! Di-Tử-Hà ăn ở với vua trước sau cung vậy, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội là chỉ tại khi yêu khi ghét khác nhau mà thôi. Cho nên:

*Thương nhau cau bảy bối ba,
Ghét nhau cau bảy bối ra làm mười.*

Người có độ lượng thì không xử sự như vua nước Vệ bao giờ.

Khoan-dung và tha-thú là rộng lượng bao dung, hay tha-thú những điều sai sót lỗi lầm của người khác đối với mình để cho người có phương giác ngộ, tự-tính ăn-năn từ việc quấy trở về với lẽ phải. Người có tánh khoan-dung thì hay tha-thú vì họ quan-niệm rằng: “Nhơn vô thập toàn”. Ở đời không ai sanh ra được toàn thiện, nghĩa là tự mình kiểm-điểm cũng phải có sơ-sót, vì vậy mà không cố chấp người.

Đó là nói về bậc thường. Còn các bậc Thánh-Nhân, đức khoan-dung dày-dặn hơn nhiều vì các bậc ấy đầy lòng ái-truất thương sanh, nặng về giáo-hóa hơn là trường-trị.

Thuở xưa có ông Lưu-Khoan là một vị quan có tấm lòng khoan-dung độ-lượng. Buổi sáng, khi mặc áo đi chầu vua, có con thị-tỷ bưng bát cháo lên hầu, chẳng may làm đổ cháo dính áo. Con thị-tỷ run sợ quá, lấy tay vuốt áo, nhưng Ông Lưu-Khoan thản nhiên không đổi sắc mặt, còn ôn-tôn hỏi rằng:

– “*Cháo nóng có phỏng tay con không?*”

Đó là một tấm lòng khoan-dung đại-lượng, chẳng những không quở phạt mà còn thương xót kẻ hầu hạ, phát xuất nơi lòng “nhân” mà ra vậy.

PHẢI VUI-VẺ, ĐIỀU-HÒA, TỰ-CHỦ VÀ QUYẾT ĐOÁN

Có **vui-vẻ** thì tâm hồn mới được tho-thói, có vui-vẻ mới cởi mở được cỗi lòng vốn hay bức dọc do sự phiền toái hằng ngày. Có vui-vẻ mới tạo ra bầu không khí khoan-khoái dễ chịu cho riêng mình và cho tất cả mọi người xung quanh mình. Sự vui-vẻ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, chẳng khác nào thuốc bổ hỗ-trợ con người được tươi-tắn, chậm già trước tuổi và nảy nở nhiều tánh-đúc tốt để thâu phục được cảm-tình của người khác.

Điều-hòa là êm-áí, hòa-thuận. Điều-hòa là tượng-trưng trật-tự chung trong trời đất (*loi d'harmonie*), và đạo Trung-dung của loài người.

Vũ-trụ có điều-hòa thì càn-khôn mới an tĩnh.

Âm-dương có điều-hòa thì vạn-vật mới được sanh sanh hóa hóa.

Xã-hội có điều-hòa thì dân chúng mới hưởng sự thanh-bình.

Gia-đình có điều-hòa thì mọi người mới an vui hạnh-phúc.

Lẽ-nhạc có điêu-hòa thì mới có tiết-tấu âm thanh.

Thân-thể con người có điêu-hòa thì máu huyết mới lưu thông, khỏe mạnh.

Tâm-trí có điêu-hòa thì con người mới sáng-suốt.

Trái với sự điêu-hòa là hồn loạn, không trật-tự.

Người luyện-kỹ cần giữ tâm tánh điêu-hòa, tức giữ được cái đạo Trung-dung thì linh- tâm mới thuần nhất mà soi sáng lòng mình hầu dùn độ đến chổ tận thiện tận mĩ.

Tự-chủ là tự mình làm chủ lấy mình không để bị lôi cuốn bởi ngoại vật, ngoại cảnh. Không để ai lợi dụng sai khiến mình làm việc trái với lương-tâm, trái với lẽ Đạo.

Quyết-đoán: Khi mọi việc được suy nghĩ tinh-tưởng, kĩ-lưỡng phù hợp với chánh lý, tức là đã phán-đoán công-minh rồi nhất định đem ra thực-hành.

Quyết-đoán là cương-quyết, dứt khoát, không lưỡng chừng, là yếu-tố đoạt đến mức thành công trong mọi việc.

GIỮ LINH-TÂM LÀM CĂN BỐN

Linh-tâm là điểm linh-quang của Đức Chí-Tôn ban cho mỗi người để làm chủ cả trí-lự và thể-xác.

Linh-tâm là ánh huệ-quang dẫn bước con người trên đường ngay lẽ phải để lập công đoạt vị.

Đã gọi Linh-tâm là chủ của con người thì mọi việc chỉ cũng do Linh-tâm làm căn bốn. Thuận với Linh-tâm là thuận theo Thiên-lý thì muôn việc đều nêu. Nghịch với Linh-tâm tức là xu-hướng theo phàm tánh thì mọi việc đều sai-suyễn, lỗi lầm.

Muốn giữ được cái tâm cho còn bốn nguyên chí linh, chí Thánh, thì đừng để lục-dục thất-tình lấn áp, làm mờ tối cái ánh sáng thiêng-liêng đó, tức là dọn mình cho trong sạch mới thấy được cái Tâm là nơi cảm ứng với các Đấng Trọn-Lành và cũng là Tòa ngự của Đức Chí-Tôn nơi lòng mình đó vậy.

Đức Chí-Tôn có cho bài thi:

*Bạch-Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngồi.
Sang hèn trối kệ Tâm là quý,
Tâm ấy Tòa Sen của Lão ngồi.*

Và trong “*Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyển*” quyển 2 có bài thi:

*Gắng sức trau giồi một chữ Tâm,
Đạo Đời muôn việc khởi sai lầm.
Tâm thành átặng đường tu vũng,
Tâm chánh mới mong mối Đạo cầm.
Tâm ái nhơn sanh an bốn biển,
Tâm hòa thiên-hạ trị muôn năm.
Đường Tâm cửa Thánh dầu chưa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.*

HIẾU HẠNH VỚI CHÍ-TÔN VÀ PHẬT-MẪU

Công-đức sinh thành duōng-dục của Cha Mẹ hưu-hình lớn lao bao nhiêu cũng không sánh bằng công-đức của hai Đấng Tạo-Đoan là Ông Cha, Bà Mẹ Thiêng-Liêng tối cao tối trọng hơn nhiều.

Cha Mẹ hưu-hình ban cho chúng ta một mảnh thân phàm xác thịt, thì hai Đấng Phụ-Mẫu Thiêng-Liêng ban cho chúng ta nhứt điểm linh và một khối Chơn-Thần để làm chủ xác thân ta.

Muốn đên đáp công ơn đó, chúng ta phải hiếu-hạnh.

Hiếu-hạnh với Phụ-Mẫu hưu-hình là sớm thăm tối viếng, vâng lời chìu lụy, ân cần dưỡng nuôi, tạo danh thơm tiếng tốt, làm đẹp mặt nở mày Tông-môn Tổ-đường thì đối với Phụ-Mẫu Thiêng-Liêng chúng ta cũng phải:

Thường xuyên cúng kính, lễ bái thường hành hôm sớm (Nhứt triêu nhứt tịch kỉnh bày mộ khang) cho hằng bữa tâm hồn được gần-gũi ân điển Thiêng-Liêng, gột rửa chất phàm, giải tiêu oan-nghiệc, tinh-thần trí não được sáng-suốt để thể Thiên hành Đạo cho đúng với Luật-Pháp Chơn-Truyền. Nghe và làm theo Thánh-Ngôn các Đấng Thiêng-Liêng, Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu tức là biết vâng lời phục vụ. Giữ tròn câu minh thệ, xả thân vì Đạo đem hết năng lực phụng-sự cho Vạn-Linh làm rạng danh Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu tức là báo hiếu đó vậy.

PHƯƠNG-PHÁP TRỊ TÂM

VÌ TÂM LÀ HÌNH ẢNH THIÊN-LƯƠNG



ĐỊNH-NGHĨA CHỮ TÂM VÀ PHÉP TRỊ TÂM THEO NHO-GIÁO

TRONG Nho-Giáo có định-nghĩa: Tâm không phải là cục máu thịt, không phải quả tim nằm trong lồng ngực của chúng ta. Tâm ở phạm-vi tinh-thần, chỗ nào có trí-giác tức là Tâm, như tai mắt biết nghe biết thấy, chân tay biết đau biết ngứa. Sự biết đó là Tâm vậy.

Hiểu rộng thêm, Tâm là một khối Ngươn-Linh của Đức Thượng-Đế ban cho, vốn trọn lành, nắm phần chủ-tể trong con người. Từ bậc Thánh đến thường dân, từ hạng ngôi cao lộc cả đến hạng khố rách áo ôm, ai cũng có một cái Tâm ấy mà thôi. Nhưng tại sao cái Tâm tự Trời phú bẩm như nhau, mà người này làm việc Thiện, kẻ kia làm việc Ác?

Bởi tại cái Tâm của kẻ làm ác bỏ mất bản-thể. Bản-thể của Tâm vốn tốt lành trong sạch, nhưng tại người ta đem nhồi bao nhiêu nhơn-dục thấp hèn nhơ bợn xen vào mà che lấp cả Thiên-lý mới hóa ra ác. Cũng như đám mây mù che lấp mặt trời mất sáng vậy. Bởi có, cần phải trị cái ác của Tâm để Tâm trở về Thiên-Lương là cái tánh thiện của Trời phú cho.

Luận về Thiện và Ác của Tâm, Nho-Giáo phân tách:

“*Tâm bao gồm cả Tánh và Tình. Làm chủ thân mình là Tâm, phú bẩm cho mình là Tánh. Tánh biến ra Tình.*”
Tánh Thiên-Lý tự Trời phú cho, tánh đó vốn lành.

Tánh khí-chất tự người ta tiếp xúc vật-dục mà có, cái Tánh ấy thường làm điều chẳng lành.

Tình chia làm 7: Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét và muốn. Nhà Phật gọi là thất-tình của con người.

Phép chế-ngự thất-tình là cần đè sự giận, nén lòng dục. Nóng giận thì mất cả trí khôn không còn biết phân biệt lẽ phải, vậy trong cơn giận cần tập tánh ung-dung, điều-hòa để đối phó mọi việc xảy đến cho mình. Còn đè nén lòng dục thì lòng đừng suy nghĩ sự gì xấu xa nhơ bợn, nghĩa là bỏ được ác niệm, thì thiện niệm tự nhiên đến, lẽ phải hiện ra.

ĐỊNH-NGHĨA CHỮ TÂM THEO TÂN-PHÁP ĐẠI-ĐẠO TÂM-KỲ PHỔ-ĐỘ

Đoạn trước, Nho-Giáo đã giải-thích: Tâm sanh Tánh, Tánh sanh Tình, cho nên mới có câu: Tánh tự Tâm sanh, và triết-học của Nho-Giáo là: «*Tôn Tâm dưỡng Tánh*».

Ngày nay, Đức Chí-Tôn đến khai Đạo, chữ Tâm được giải rõ hơn và được phân tách như sau, trong bài Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp:

«Nhà Nho nói: ‘Tánh tự Tâm sanh’, đó là lý-thuyết của Đạo Nho. Chỉ biết có một điều là ta quan-sát cơ thể thấy hiện tượng mà tỏa trạng hình được vì Đạo Nho chưa phải là một Tôn-Giáo huyền-bí. Còn Đức Chí-Tôn đến dạy ta biết rằng Tánh là chơn-tướng của Chơn-Thần, còn Tâm là chơn-tướng của Chơn-Linh. Chí-Tôn dạy: Tánh của mỗi chúng ta là hình thể thứ nhì của ta, hình thể thứ nhứt là Tâm tức là Chơn-Linh, thứ nhì là Tánh tức là Chơn-Thần, thứ ba là

xác-phàm thú chất này. Chí-Tôn hỏi: Tại sao từ trước đến giờ theo triết-lý Đạo Nho lấy nghĩa “Tánh tự Tâm sanh” mà tả ra? – Bởi vì nó có liên-quan mật thiết cùng nhau, trong Tâm mình như thế nào là xuất Tánh ra y như vậy.

Nhà Nho lấy hiện-tượng mà đặt tên, còn Chí-Tôn chỉ rõ cho biết: Chơn-Thần cũng tần bô như Chơn-Linh. Mỗi cá-nhân đều có hai năng-lực ấy có đủ quyền-năng đào tạo ra hình hài xác thịt của ta. Một Chơn-Linh cao trọng tự nhiên có một Chơn-Thần cao trọng, bối cả hai đi đôi, đồng đường với nhau, cả hai có liên-quan mật thiết, cùng tần triển trong con đường Thánh-Đức của Chí-Tôn.

Vì không có tên nên Nho-Giáo mới đặt linh-thể ấy là Tâm, lấy Tâm đặt tên chơn thể, chữ Tâm ấy do tướng hình Thiên-Lương vi bốn.»

Như vậy, chữ Tâm của Nho-Giáo đã thống hiệp cả Chơn-Linh và Chơn-Thần làm một, cho nên chữ Tâm của Nho-Giáo gồm có Thiện và Ác, vì Tâm sanh Tánh, Tánh sanh Tình.

Thầy Mạnh-Tử chủ-trương thuyết “Tính Thiên” lấy câu “Thiên-mạng chi vị Tánh” làm căn-bản, nghĩa là cái bản-tánh của Trời phú cho là Thiên. Ta sở dĩ làm điều bất thiện là bởi ta để vật-dục lấn át, làm mờ tối cái tánh ấy.

Thầy Tuân-Tử lại chủ-trương thuyết “Tính Ác” chủ ở sự “Kiểu Tính” nghĩa là cái tính của người ta là Ác, ta phải tìm cách mà uốn nắn cái tính cho hợp Đạo để làm điều Thiên.

Trong một cái học của Nho-Giáo mà thành ra hai thuyết tương-phản nhau, tuy vậy phương-pháp giáo-dục cũng tương-tự nhau. Cả hai đều có quan-niệm riêng về

Thiện và Ác tùy theo sự nhận thức của mình, và rốt lại cho ta thấy Tâm vẫn là nơi chứa cả tính Thiện và tính Ác, cho nên quan-niệm Thiện và Ác của Nho-Giáo vẫn lẩn-lộn và tương phản.

Còn theo Tân-Pháp của Đại-Đạo thì *Tâm là chơn-tướng của Chơn-Linh*, là khối Nguồn-Linh của Đức Chí-Tôn vốn trọn lành và hoàn-toàn sáng-suốt. Chơn-Linh đến loài người để chế-ngự Chơn-Thần là nơi phát sanh ra Tánh. Nếu Chơn-Thần được định tĩnh, trong sạch, sẽ tiếp được điển của Chơn-Linh nơi Nê-hườn-cung mà khai Huyền-quang-khiếu, tức là đoạt huệ hay đắc Đạo.

Vậy Chơn-Linh là linh-thể bất nihil và chí thiện.

Tánh là chơn-tướng của Chơn-Thần, thuộc thể thứ nhì của con người do Đức Phật-Mẫu ban cho. Chơn-Thần cũng sáng-suốt như Chơn-Linh, nhưng vì gần-gũi với thể xác và lấy y khuôn rập của xác thân nên Chơn-Thần, thay vì làm chủ lục-dục thất-tình, lại hay nuông chiù và nihil theo phàm-tánh của xác thân mà sanh ra những tánh ác, bỏ mất tánh thiện.

Phương-pháp trị tâm là dứt bỏ được cái phàm-tánh triêm nihil trong Chơn-Thần, trở lại bốn nguyên chí Thánh của Thiên-Lương, tức thị Chơn-Thần hòa-hiệp với Chơn-Linh mà đoạt cơ siêu-thoát.

PHƯƠNG-PHÁP TRỊ TÂM THEO PHƯƠNG LUYỆN-KỶ CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP

ĐỨC-TIN VÀ KHÔN NGOAN LÀ KHO CHÍ BỬU, NGOÀI RA LÀ CỦA BỎ, LÀ ĐỒ VÔ GIÁ

Trong các đức tánh, chỉ có đức-tin và sự khôn ngoan mới là kho tàng quý báu.

Trước hết, chúng ta tìm hiểu thế nào là đức-tin.

Đức-tin là một sức mạnh vô hình do tư-tưởng tập trung hướng vào một mục-đích, một chủ-nghĩa, một cảnh giới vô hình để đoạt một kết-quả, một chân-lý siêu việt. Đối với Đạo-Giáo, có một đức-tin mới có cảm-ứng, có sự cảm thông giữa các Đấng Vô Hình và loài người. Vì Thượng-Đế là Chí-Linh, chúng sanh là Vạn-Linh, nhờ Đức-tin hay Tín-ngưỡng mà Vạn-Linh hiệp được Chí-Linh. Cho nên, có câu: «*Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất gai tri.*»

Trong buổi Thuyết Đạo tại Đền Thánh (15/7/1952), Đức Hộ-Pháp có định-nghĩa danh-từ Tín-ngưỡng và hình-thức Đức-tin như sau:

«*Tín-ngưỡng: Tín là tin, ngưỡng là cậy. Tín-ngưỡng tức là tin cậy theo nghĩa thông thường tiếng Việt từ xưa đến giờ. Ngày xưa, thời gian phong-kiến, danh-từ Tín-ngưỡng có nghĩa là tin cậy với sự thành kính một Đấng Đế-Vương, hào-kiệt nào.*

Đối với Đạo-Giáo, ý-nghĩa càng thêm cao trọng, người ta cho nó là cái Đức, gọi là “Đức-Tin”. Con người cần có Đức-tin, nếu không, chưa hề làm xong bổn-phận con người. Đức-tin có hai hình-thức: Tha-tín và Tự-tín.

Iba-tín là minh tin nơi người, đâu người có định hướng nào buộc mình phải tin. Còn **Tự-tín** là ta biết lấy ta, hiểu sở-năng và tin cậy lấy ta.

Các vị Giáo-Chủ như Đức Thích-Ca, Đức Lão-Tử, Đức Chúa Jésus Christ, Đức Khổng-Tử dùng tự-tín là đem giáo-lý của mình hiệp với tha-tín là giáo-lý và phương-pháp của các vị có trước như: Đức Brahma, Civa, Krishna, Đức Hồng-Quân Lão-Tổ, Thánh Moise mà truyền giáo.»

Ngoài ra, Đức Hộ-Pháp còn phân ra 3 loại Đức-Tin:

- 1.- Thiên-căn Đức-Tin,
- 2.- Sám-hối Đức-Tin,
- 3.- Cầu lợi Đức-Tin.

Thiên-căn Đức-Tin: là những bậc Nguyên-nhân trọn giữ tánh chất lương-tri, lương-năng vẫn còn tự nhiên, làm điều gì cũng có đủ Đức-Tin nơi Chí-Tôn là Chủ-Tể trong Càn-khôn Thế-giới và biết kiên sợ luật-pháp công-bình của Tòa Chánh-trị Thiêng-Liêng đủ quyền-năng thường phạt, cho nên mọi sự hành-trình bao giờ cũng noi theo đường Thiên-lý thì tự nhiên có các Đấng ám trợ.

Sám-hối Đức-Tin: là những người không biết tin tưởng Trời, Phật, đến khi lâm nạn mới cầu khẩn sùng bái, nguyện vái đủ điều may đặng tai qua nạn khỏi thì từ ấy khu khu vẹn giữ Đức-Tin với Thần, Thánh, Tiên, Phật, biết cải ác tùng lương. Ấy là Sám-hối Đức-Tin.

Cầu-lợi Đức-Tin: là những người khẩn cầu về sự làm ăn mua bán, hoặc là cầu nguyên đi cờ bạc, có đôi khi gặp lúc may đắc lợi thì cũng có Đức-Tin với Thần, Thánh, thường hay sắm lẽ vật cúng kiến luôn. Đến khi thời suy vận bỉ, mọi việc làm thất bại, thì tự nhiên mất hẳn Đức-

Tin, mà còn thốt ra nhiều lời vô độ, phi lý tổn đức. Ấy là câu lợi Đức-Tin, không khi nào bền vững.

*“Sám-hối Đức-Tin cũng khá, mà chưa bằng Thiên-căn
Đức-Tin thì muôn điều không sai một.”*

*Nếu toàn cả nhơn-sanh mà có đủ Đức-Tin với Đạo
Cao-Đài là một cơ-quan Cứu-Thế, làm khuôn mẫu cho sự
hòa-bình thế-giới thì chúng-sanh không có chịu thống-khổ
như ngày nay, mà lại còn chung hưởng hồng-ân chan rưới.”*

Vì đức-tin là quý báu, nên trong Kinh Thánh Gia-Tô, Đức Chúa Jésus Christ khuyên các môn-đồ cần giữ đức-tin. Có đức-tin thì mọi tội lỗi được cứu rỗi, nhờ có đức-tin mà buổi ấy người què được đi, người điếc được nghe, người mù được thấy, người chết được sống lại. Đức Chúa Jésus Christ từng nói với các Sứ-đồ: “*Nếu các người có đức-tin bằng hột cải, sẽ bảo cây sung này rằng: Hãy nhổ lên mà trồng xuống biển, thì nó chắc vâng lời các người*”. (Kinh-Thánh Tân-Uớc)

Đức Hộ-Pháp thường dạy: «*Nếu chúng ta có đức-tin bằng hột mè, cũng có thể dời non lấp bể được*».

Đức-Tin chỉ bằng hột mè, hột cải mà có năng-lực dường đó, nếu chúng ta có đức-tin mạnh-mẽ phi-thường thì năng-lực sẽ tăng lên đến bực nào!

Đã biết năng-lực vô biên của đức-tin là thế nào rồi, nhưng chúng ta cũng phải chọn đức-tin nào chánh đáng, phù hợp với chơn-lý Đạo mới là chánh-tín. Nếu không sê là mê-tín, cuồng-tín, không còn hợp với thiên-lý nữa, có thể bị dẫn-dắt vào Tả-Đạo, Bàn-Môn.

Sự khôn ngoan là vật báu của con người. Nhờ có khôn ngoan mà người được đứng đầu vạn-vật và tiến-hóa

mãi trên đường Đạo cũng như đường Đời, trên phương-diện đạo-đức tinh-thần cũng như trên phương-diện văn-minh vật-chất.

Nhưng nếu khôn ngoan nào nương theo Thiên-Lương, hướng-dẫn con người vào đường chí thiện chí mỹ, đó là sự khôn ngoan đạo-đức. Nhờ sự khôn ngoan này mà con người phân biệt được lẽ giả điêu chơ, biết thiệt mà tìm, biết hư mà tránh, biết thiện mà theo, biết ác mà chừa.

Còn nếu nương theo dục vọng thế tình phàm tánh, thì sự khôn ngoan đó là khôn ngoan xảo quyết đưa đến việc mua danh chắc lợi, cướp thế lấn quyền, giàu hiếp nghèo, trí hiếp ngu, mạnh dặng yếu thua khôn còn dại mất.

Người khôn ngoan đạo-đức hay âm thầm làm việc thiện, xả thân giúp ích cho đời. Còn người khôn ngoan xảo quyết hay dùng mưu gian trí xảo giành phần lợi ích riêng cho mình, ích-ký hại nhơn gây oan tạo nghiệt. Người tu hành không phải thiếu sự khôn ngoan thường tình đó, nhưng tâm linh của họ không muốn sử dụng sự khôn ngoan trái với đạo-đức nhơn-nghĩa để dối thế hại đời.

Khôn ngoan tài tình như Hàn-Tín là khôn ngoan vì danh vì lợi, rốt cuộc mang cái thảm họa: chịu chết vì danh vì lợi.

Khôn như Tào-Tháo, người ta gọi là gian ngoan, gian hùng, chủ trương: Thà mình phụ người chó không để người phụ mình, cho nên đời sau phê-bình là «*đại gian đại ác*».

Khôn như Phạm-Lải, Trương-Lương, không màng danh-lợi, biết tùy thời tùy thế, công thành thân thối, xa vòng tục lụy mà ngao du cùng sơn thủy, rốt cuộc tránh

được cái vạ: «*Đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nôm*» của Việt-Vương Câu-Tiển và của Hớn Bá-Công.

Chỉ có khôn ngoan của người mẫn thessel, siêu phàm mới thiệt là khôn, là «*tri-thức*», dụng trực-giác của tâm linh⁽ⁱ⁾ hoán thông mọi việc, biết đời là trò mộng ảo, giả tạm, hữu-hình hữu hoại, đem hết năng lực phụng sự cho Vạn-Linh, tìm cái sống thiệt và trường tồn nơi cõi Thiêng-Liêng hằng sống.

Ấy vậy, đức-tin và sự khôn ngoan có liên-quan với nhau. Khôn ngoan hỗ trợ cho đức-tin hướng về chánh-tín, đức-tin giúp sự khôn ngoan đi đến cái tốt cùng của “*mẫn-huệ*”.

Cho nên: Đức-tin và khôn ngoan là kho tàng vô giá vây.

(i) **Trực-giác:** là cái biết của Tâm, không cần suy lý, kinh-nghiệm, hễ gặp là biết phân biệt liền. Dùng lý-trí thường bị sai lầm, chớ dùng trực-giác của linh-tâm thì không sai lầm được. Tuy vậy, cũng phải lấy lý-trí phối kiềm trực-giác, vì trong lúc tâm hồn chưa định tĩnh, trực-giác cũng có thể bị suy-suyễn vì bị vật-dục xen vào. Trực-giác để **biết**, lý-trí để **kiểm-soát** (Nho-Giáo).

AI ĐÃ CỐ OÁN KẺ THÙ CỦA MÌNH THÌ KHÓ GIỮ THANH TÂM CÔNG CHÁNH CHO ĐẶNG

Cố oán ai là khư khư giữ sự hờn giận nơi lòng đối với người không làm vừa ý mình hoặc ám hại mình bấy cứ dưới hình-thức nào.

Ở đời, ai ai cũng có tánh tốt, tật xấu, nếu ai sử dụng tánh tốt đối với mình thì mình cho là bạn là thân với

mình, ngược lại, ai lấy tánh xấu để hại mình thì mình cho là thù. Bạn thì thương yêu, thù thì oán ghét.

Thương thì chuyện gì đâu trái ý cũng bỏ được, ghét thì chuyện ít cũng xít ra nhiều. Khi ta ghét một người nào, thì luôn luôn ta thấy toàn cái xấu của người đó, đâu cho người đó có bao nhiêu cái tốt ta cũng phủ nhận hoặc cố tình quên đi. Do đó, tâm trí ta bị ám ảnh mãi mãi, chực tìm cách trả thù báo oán cho thỏa tánh giận ghét của ta. Ở trường hợp đó, đối với người mình thù ghét luôn luôn ta phán-đoán sai lầm vì đã phiến diện nhận xét, nghĩa là chỉ thấy cái khuyết-điểm mà quên mất cái ưu-điểm của người.

Cho nên: Ai cố oán kẻ thù thì khó giữ được tâm tánh thản nhiên và vô-tư. Tâm đã không vô-tư tức là thiên lệch thì làm thế nào giữ nét công-minh, chơn-chánh đối với người cho được.

AI CHẮNG OÁN HẬN MỚI THẮNG ĐẶNG KẺ THÙ NGHỊCH CÙNG MÌNH

Trên kia chúng ta đã quan-niệm thế nào là bạn, thế nào là thù, và muốn giữ được thanh tâm công-chánh đối với kẻ thù chỉ có một cách là không cố tâm oán ghét họ. Và muốn thắng được họ cũng chỉ áp dụng phương-pháp duy nhất là **không nuôi oán hận**. Thắng kẻ thù nghịch cùng mình không phải bằng cách tiêu diệt hay hạ kẻ thù, mà thắng ở đây là thuyết phục bằng cách cảm hóa lòng người.

Kẻ thù nghịch có thể nói là kẻ có ác ý mưu hại mình vì ích-kỷ, đố-ky, ganh-ghét v.v... hay vì một sơ-xuất nào đó của mình làm cho họ ngộ nhận mà sanh ra gây gổ oán thù.

Gặp trường-hợp đó, nếu thiếu kiên nhẫn, ta cũng đố-ky, ganh-ghét trả đũa, tức là lấy phàm tánh của mình đổi lại phàm tánh của người thì không bao giờ chấm dứt một tình-trạng căng-thẳng, chống đối nhau có thể đưa tới sự xung đột, hoặc án mạng.

Vậy oán hận kẻ thù thì ta không khác chi họ. Trái lại, ta vẫn giữ tánh ôn-hòa, cao thượng quân-tử, không cứu tâm oán hận, bình thản như không việc gì xảy ra, giữ tâm không không thì dầu kẻ thù có oán giận bao nhiêu, sớm muộn gì cũng suy nghĩ lại tự thấy mình vô lý, và lần hồi mối thù sẽ phai lọt, tiêu tan.

Chẳng những không cố oán kẻ thù, Đức Hộ-Pháp còn khuyên chúng ta nên thương kẻ thù theo châm-ngôn sau đây:

- *Chúng ta thương yêu bà con thân tộc là kiêm xu và bạc cắc mà thôi.*
- *Còn thương rộng ra nhơn quần xã-hội, đồng chủng quốc-dân, thì chúng ta kiêm bạc đồng và bạc chục.*
- *Nếu thương yêu cho được kẻ thù của mình tức là kiêm bạc trăm, vàng khối đó vậy.*

**SỰ CỨU HẬN LÀ KHỐI THẢM KHỔ ĐỆ NHỨT CỦA
NHƠN-SANH, NÊN NGƯỜI HIỀN THÌ KHÔNG BIẾT ĐẾN
HAY LÀ TỪ BỎ CỨU HẬN OÁN GHÉT**

Oán giận nảy sanh căm thù. Căm thù đưa đẩy con người đến chỗ tương-tàn tương-sát, gây nên trường thảm khổ và tội lỗi.

Sự cùu hận là mầm mống gây oan tạo nghiệt, luân hồi chuyển kiếp vay trả không ngừng, lẩn-quẩn trong vòng sanh tử biết bao giờ giải-thoát kiếp trần là chốn phiền não ưu sầu nầy.

Người học Đạo, hành Đạo, tu luyện nên bậc chí Thánh chí Hiền thì không oán ghét thù hận ai cả. Không từ bỏ cùu hận thì tâm trí mãi buộc ràng bởi mưu sâu kế độc tàn hại lẫn nhau, khói thiên-lương vì đó mà bị che mờ tâm tối.

Từ bỏ được sự cùu hận, oán ghét thì tánh tình vui vẻ điều-hòa, lương-tâm bình thản, thanh khiết mới cảm ứng với các Đấng Trọn-Lành, lý-trí được sáng-suốt mà thực thi điều đạo-đức nhân-nghĩa giúp đời tệ hóa ra hay và linh-hồn mình cũng được tiêu-diêu thoát tục.

Ngày xưa, Giáo-chủ Mahômet bị một người hành hung làm cho Ông đổ máu ở trán, Ông bình tĩnh nói kẻ ấy rằng: “*Sự tha-thú bao giờ cũng đẹp hơn trả thù!*”.

CÂU CHUYỆN: *** “NGƯỜI CHẾT CÒN BÁO OÁN” ***

Vào khoảng cuối năm 1886, tại đường Sainte Marcelle, bây giờ là đường Sergent Blandan (Pháp-Quốc), có một người đàn bà bị nhốt đá 15 năm rồi vì bệnh điên. Bà bị nhốt như vậy đã nhiều lần tại nhiều nhà nuôi bệnh nhưng không mạnh được. Người trong thân của bà mới tính cầu cứu nơi phép Thần-Linh.

Lúc đó có ông Bouvier thường hay thông công với các Đấng Thần-Linh và nhờ đồng cốt của tên Isidore. Ông mới lập đàn cầu hỏi thì được biết rằng người đàn bà ấy bị một vong hồn theo trả thù. Muốn cho bình đặng mạnh

thì ông Bouvier phải ra công khuyễn thiện cái vong hồn đó cho nó hiểu biết Luật nhơn-quả, bỏ cựu thù mà chặt đứt dây oan oan tương báo đi, như vậy sẽ làm một công mà được hai việc là: “*Cứu người bình đang sống, và thức tỉnh vong hồn kẻ đã chết*”.

Nghe theo lời Thần-Linh, ông mới triệu hồn người nhập xác điên đó về, thì vong hồn ấy về nói như vầy:

“Trong một kiếp trước kia, tôi là một người con trai nước Nga, sanh trong nhà Hoàng-tộc, tôi có hai người chị. Hai chị tôi muốn đoạt trọn gia tài nên kiểm chuyện hại tôi cho bị giam cầm mà chết trong khám. Chết rồi tôi nguyện trả thù cho đãng mới nghe. Kiếp rồi Thượng-Đế cho chúng tôi trở lại cõi trần trong một gia-dinh, một đảng là chị dâu, một đảng là em chồng. Chị em ở chung một nhà, mà chẳng biết tại sao tôi lại ghét chị dâu tôi quá lè, ghét cho đến ngày tôi từ trần. Sau này, tôi mới hiểu rõ chị dâu của tôi đó là chị ruột của tôi kiếp trước. Biết vậy nên tôi theo hoài mà báo thù, vì khi xưa chị tôi đã làm cho tôi chết trong chõ giam cầm, thì tôi cũng làm cho chị phải chết trong nhà giam như vậy. Nhưng hôm nay, nhờ ông tế-độ, dạy tôi phải biết Luật Quả-báo, Luân-hồi. Nếu cứ trả oán như vậy đã không có ích gì cho phần linh-hồn của tôi mà lại gây ra sự trả vay chẳng dứt. Vậy tôi cảm ơn ông và xin vâng theo lời ông chỉ dạy và tôi cũng xin lỗi chị tôi. “Chị ôi! Xin chị tha-thú cho em đã lỗi lầm, làm cho chị 15 năm trời không an phần xác...”

Nói rồi đồng-tử lại gân bà B. là người điên, mà ôm bà, rồi hai người khóc òa như mưa, làm cho ai nấy động lòng cũng tuôn rơi nước mắt.

Liên hồi đó, bà B. hết điên và sống khỏe mạnh cho đến năm được 72 tuổi mới chết. (Chuyện này ai cũng biết

là bà B. phát điên từ khi em chồng bà chết, và khi còn sống người em chồng ghét bà lắm!)

Trong Phương Luyện-Kỷ có câu: “*Sự cứu hận là khói thâm khổ đệ nhứt của nhơn-sanh, nên người hiền thi không biết đến, hay là từ bỏ cứu hận oán ghét*”, và sách có câu: “*Oan gia nghi giải bất nghi kết*”. Nghĩa là: «*Nên cởi mở sự thù oán chớ không nên buộc chặt*».

THẮNG ĐẶNG KHÍ NỘ MÌNH THÌ KHÔNG CHỌC AI GIẬN DỮ

Khí nộ là sự nóng giận, một đặc tính trong 7 tình: Hỉ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố, Dục. Vì sự nóng giận hay bộc phát nên người ta ví như ngọn lửa lòng, khi phát cháy làm mờ ám tâm trí mình mà còn cháy lây qua người khác, nghĩa là chọc người khác cũng giận như mình.

Người ta thường nói: “*No mắt ngon, giận mắt khôn*”. Khi con người nổi cơn nộ khí thì tâm trí bị kích-thích giao động đến mất bình tĩnh, không còn khôn ngoan sáng-suốt nhận định lẽ phải trái, lời nói thoát ra trong lúc giận không còn đếm xỉa đến ai, cho nên cộc-cắn thô-lỗ, thất lẽ với mọi người chung quanh, chạm tự-ái kẻ khác, kích-thích cho người phát cơn giận dữ, cải vả đến xô-xát nhau làm mất vẻ đạo-đức ôn-hòa.

Vì vậy, khi gặp việc bức tức đến đâu, mình cũng cố gắng dằn cơn nóng giận để khỏi sanh lầm chuyện phiền-phức cho mình và cho người khác.

PHƯƠNG-PHÁP DÄN CƠN NÓNG GIẬN

Người ta thường nói: “*Dây dùn khó đứt*” hay “*Anh*

nóng còn tôi nguội”. Đó là câu nói của những người biết dằn cơn giận bằng sự kiên nhẫn nhịn-nhục, và thường được kết-quả tốt.

Phàm ai cũng có tánh nóng giận, hăng ngày xảy ra luôn vì sự va chạm tâm-lý, tự-ái cá-nhân... Cho nên, những vị tu tâm luyện tánh rất sợ cơn nóng giận hăng tìm phương dứt bỏ. Các vị ấy đặt ra nhiều phương-pháp:

- Khi nóng giận, đi uống một ly nước lạnh.
- Khi nóng giận, đi kiếm chuyện khác làm: rửa mặt, tắm...
- Khi nóng giận, thì nói thầm như vầy: Tôi không nên nóng nảy.
- Khi nóng giận, có người lại nói: Luôn luôn tôi vui-vẻ ôn-hòa.

Tuy đặt ra nhiều phương cách, nhưng tùy trường hợp áp-dụng cách nào có hiệu-quả là được.

CÁCH LÀM CHO KHỎI TỨC GIẬN

(Rút trong Cổ-Học Tinh-Hoa)

Người ta ở đời đối với nhau, người mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang ngược, thì nên coi như đi trong bụi rậm, áo vướng phải gai, chỉ nên thong-thả đứng lại gở lắn ra mà thôi. Cái gai gốc kia có biết gì mà đáng giận?

Xử được như thế thì tâm mình không phiền não mà bao nhiêu nỗi oán giận cũng tiêu tan được ngay. Cổ-nhân có câu nói:

“Ta nên coi những sự ngang ngược phạm đến ta như chiếc thuyền không, lõi đám phải ta, như con gió dù lỡ tạt

phải ta, ta nghĩ cho cùng, có gì mà đáng giận”.

*Giận lên là phát con điên,
Người khôn hóa dại, người hiền hóa ngu.*

LẤY THIỆN MÀ TRỪ ÁC

Thiện là lành, **Ác** là dữ.

Lành, dữ là hai đối tượng trong tâm tánh loài người.

Khi định-nghĩa chữ Tâm, Thánh-Nhân đã phân tách những tánh tốt và tánh xấu của con người rõ-ràng minh bạch, rồi chung kết lại trong hai danh-từ: Thiện và Ác.

Tánh Thiện tuy được suy rộng nhưng đại để có thể gồm trong giáo-điều của các Tôn-Giáo. Phật-Giáo dạy: *Tu-bi, bác-ái; Khổng-Giáo dạy: Tam-cang, ngũ-thường (Nhơn, Lê, Nghĩa, Trí, Tín). Thiên-Chúa-Giáo dạy: Thương yêu, khoan dung, tha thứ v.v...*

Nghịch với tánh Thiện là tánh Ác.

Những kẻ hung dữ, bạo tàn, cướp của giết người thì gọi là làm ác. Những người ăn ở thất đức bất nhân, oán thù cùu hận, ích-kỷ tham lam cũng là làm ác.

Làm thế nào để trừ được ác?

Về nội tâm, không thể trong một lúc người ta vừa làm ác vừa làm thiện. Nếu để cho cái ác dấy động trong tâm thì đã mất tánh thiện. Còn vận dụng cho được tánh thiện thì tự nhiên tánh ác lu mất. Vậy muốn trừ ác trong nội tâm thì tập trung cho được tánh thiện.

Đối xử với người ngoài: Đức Hộ-Pháp dạy: «*Lấy*

Thiện mà trừ Ác», có nghĩa là lấy ân báo oán hay dĩ đức báo oán, nghĩa là lấy cái ân đức, cùi chỉ đạo-đức của mình để cảm hóa người làm ác, thì mới sửa được cái ác của người. Có câu:

Lấy đức báo oán, oán nợ phải tiêu.

Lấy oán báo oán, oán còn mãi mãi.

Thí dụ:

Người có tính ích-kỷ, ta phải vị-tha.

Người có tính ghét ghen, ta phải thương yêu.

Người có tính cố chấp, ta phải rộng lượng.

Người có tính ác bạo, ta phải hiền đức.

CHUYỆN: TƯỚI DƯA CHO NGƯỜI

«... Ông Tống-Tựu làm quan Huyện nước Lương, giáp ranh nước Sở. Dân hai bên Lương, Sở cùng trồng dưa.

Người bên Lương siêng năng tưới nước nên dưa tốt, người bên Sở làm biếng ít tưới nên dưa xấu. Người nước Sở thấy dưa bên Lương tốt, bên mình xấu thì sanh ra ghen ghét, đêm đêm cứ lén sang cào dưa bên Lương đến đỗi dưa bên ấy phải héo chết một ít.

Sau người bên Lương biết chuyện, tức giận muốn qua cào dưa bên Sở, ông Tống-Tựu hay được mời bảo rằng: “Ôi, tại sao thế! Làm như thế chỉ là cách gây thù oán, chuốc tai vạ thôi. Nay ta bảo ngươi, chó sang cào dưa của người ta, cứ đêm đến lén sang tưới dưa cho người ta mà đừng để cho người ta biết”.

Người nước Lương cứ thế mà làm.

Sau dưa bên Sở mỗi ngày một tốt, người nước Sở lấy

làm lợ, xét mãi mới biết người nước Lương làm giúp. Quan Huyện bên nước Sở hay được việc ấy lấy làm khen ngợi tâu lên vua Sở. Vua Sở buôn-bã và có ý thiện, nghĩ rằng:

Ngoài cái tội đi cào dưa của người ta, chắc còn nhiều việc khác đáng tội với người ta nữa. Vua bèn lấy nhiều của cải sang tạ tội vua Lương và xin giao hiếu, nghĩ rằng dân mà còn được như vậy át người lãnh-đạo phải đạo-đức nhân-nghĩa.

Phê bình chuyện này, Đức Lão-Tử có nói: “*Báo oán dĩ đức*” nghĩa là đem cái đức để báo oán.

Ôi, ở đời người ta đã làm không phải, sao ta lại còn bắt chước người ta. Sao không lấy thiện mà trừ ác...»

(Cổ-Học Tinh-Hoa)

LẤY NHƠN-NGHĨA TRỪ BẠO TÀN

Nhân là lòng thương yêu người, vật chẳng luận sang hèn.

Nghĩa là làm những việc đáng làm để giúp ích cho người.

Nhân-nghĩa nói chung là thương người mến vật, không tham lam lợi lộc, biết giúp khó trợ nguy.

Bạo tàn là hung ác, hành động trái với công-lý và nhân-đạo.

Lấy nhân-nghĩa trừ bạo tàn, cũng như lấy Thiện mà trừ Ác.

Đời Đông-Châu, các Liệt Quốc tranh hùng, nước

lớn hiếp nước nhỏ, người trí hiếp người ngu, sự tàn ác dãy đầy, loạn-lạc khắp nơi.

Đức Khổng-Phu-Tử đem Nho-Giáo truyền bá cốt để sửa đời tối tệ hóa ra đời Thánh-Đức. Trong các thuyết Ngài dạy chỉ có Nhân-Nghĩa là đứng đầu trong khi Ngài châù du các nước để dạy các bậc vua chúa.

Thuyết «*Nhân-Nghĩa Đạo-Đức*» đã làm sáng tỏ, phân biệt hai chủ-thuyết Vương-Đạo và Bá-Đạo.

Vương-Đạo thi-hành đạo-đức, nhân-nghĩa.

Bá-Đạo chủ-trương độc đoán bạo tàn.

Dụng đạo-đức, nhân-nghĩa thì đời thanh trị, dụng bạo-tàn thì đời loạn. Trong thế tranh hùng thu phục dân tâm qua các triều-đại xưa thì nhơn-nghĩa luôn luôn thắng bạo tàn.

Văn-Vương thắng được Trụ lập nhà Châu, cũng nhờ nhân-nghĩa.

Tần-Thi-Hoàng bạo ác bị mất nước chỉ vì thiếu nhân-nghĩa.

Hörn-Bái-Công và Sở Bá-Vương tranh nhau vào chiếm Hàm-Dương lật đổ nhà Tần, Hörn-Bái-Công thành công, Sở Bá-Vương thất bại cũng vì Hörn-Bái-Công biết thiệt dụng nhân-nghĩa của Vương-Đạo, còn Sở Bá-Vương thì bạo-hành theo Bá-Đạo.

Nhân-nghĩa đứng đầu các đức-tính cho nên Thầy Mạnh-Tử dụng hai chữ nhân-nghĩa để làm bản tính cho con người, việc chính-trị cũng phải lấy nhân-nghĩa làm gốc.

Đức Hộ-Pháp có dạy:

Tu nhơn thành Thần,

*Niệm nhơn thành Thánh,
Hành nhơn thành Tiên,
Đắc nhơn thành Phật.*

Và trong Kinh Sám-Hối có câu:

*Làm người nhán-nghĩa xù xong,
Rủi cho gặp lúc long dong chẳng sờn.
Làm người nhán-nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.*

LẤY LÒNG QUẢNG-ĐẠI ĐẶNG MỞ TÂM-LÝ HẸP HÒI

Quảng-đại là rộng lớn bao la.

Lòng quảng-đại là lòng rộng-rãi, không gò bó vào việc nhỏ mọn tội-tiết. Người có lòng quảng-đại thường có những đức-tính khoan dung đại lượng, tha-thú và không hay cố-chấp.

Tâm-lý hẹp-hòi là tánh hay tị-hiềm, cố-chấp, so đo vụn-vặt không có tầm hiểu biết rộng-rãi để làm được việc gì lớn lao có ích cho đồng bào xã-hội. Tâm-lý hẹp hòi sanh ra tánh ích-kỷ, bòn chen, chỉ biết có lợi ích cho riêng mình.

Người có tánh hẹp hòi ít chịu rộng lượng tha-thú ai, cho nên trong gia-đình thường hay xích-mích bất hòa chỉ vì hay câu chấp khắc-khe với nhau. Ngoài xã-hội hay gò bó, cấu kết những chuyện nhỏ nhen.

Vậy muốn mở tâm-lý hẹp hòi, cần phải có lòng quảng-đại, chấp nhận sự rộng lượng, khoan dung, thay vào những tánh tỳ ố, bắt bẻ, so hơn tính thiệt từ những chuyện vụn-vặt không đáng.

Khi đã tập được lòng quảng-đại thì tự thấy tâm hồn mình được thoái-máí, thanh-nhàn, gây bầu không khí cởi mở, êm dịu chung quanh mình, không còn những bất mãn, bức rứt lương-tâm như trước nữa.

MỘT GƯƠNG QUẢNG-ĐẠI VÀ QUÂN-TỬ:

*** LẠN-TƯƠNG-NHƯ VÀ LIÊM-PHA ***

«... Lạn-Tương-Như và Liêm-Pha là môn hạ nước Triệu của Huệ-Văn-Vương thời Chiến-quốc. Vì Lạn-Tương-Như có công đoạt lại viên ngọc-bích của vua Triệu nơi tay vua Tân, sau lại cứu vua Triệu khỏi bị vua Tân làm nhục nên vua Triệu nhớ ơn, nói với các quan:

“Ta được Lạn-Tương-Như chẳng khác nào được ngồi trên tầng núi, chẳng lo gì sóng gió. Nay ta phong cho Lạn-Tương-Như chức Thượng-Tướng cũng chưa xứng đáng”.

Liêm-Pha thấy vậy sanh lòng tị-hiềm:

“Ta có công to đánh thành cướp đất, còn Lạn-Tương-Như chỉ nhờ chút công chót lưỡi mà được làm đến chức Thượng-Tướng trên mình. Vả lại, hắn là một tên xá-nhân của kẻ hoạn-quan, xuất thân hèn mọn, ta đời nào chịu đứng dưới hắn. Nếu gặp hắn, ta giết ngay.”

Lạn-Tương-Như nghe những lời nói ấy, mỗi khi gặp buổi chầu đều cáo bệnh không đến, không chịu cùng Liêm-Pha gặp mặt.

Bọn xá-nhân đều cho Lạn-Tương-Như là nhát, nhìn nhau mỉm miệng chê cười.

Có lần, Lạn-Tương-Như ra đường, gặp Liêm-Pha trước sau có quân tả hữu theo hầu. Tương-Như thấy vậy, bảo tên đánh xe tránh vào ngõ hẻm, chờ cho Liêm-Pha

qua khói mới đi. Kẻ thủ-hạ thấy vậy tức giận, xúm lại nói với Lạn-Tương-Nhu:

“Chúng tôi bỏ làng xóm, xa thân-thích, đến đây hầu-hạ Ngài, coi Ngài là bậc Trưởng-phu. Ngày nay, Ngài cùng Liêm-Pha Tướng-quân đồng phò một vua, ngôi thứ lại ở trên, thế mà bị Liêm-Tướng-Quân nói một câu hăm doạ chẳng dám đến triều, lại lánh mặt cả ngoài đường. Tại sao Ngài lại sợ Liêm-Tướng-Quân quá vậy? Chúng tôi lấy làm xấu hổ, không muốn theo phò Ngài nữa!”

Lạn-Tương-Nhu hỏi:

– Các ngươi xem Liêm-Tướng-Quân uy lực có bằng vua Tân không?

Bọn xá-nhân đáp:

– Không bằng.

Lạn-Tương-Nhu nói:

– Lấy cái uy-lực của vua Tân trong thiên-hạ không ai dám chống, thế mà ta dám đương nhiên mắng vào mặt vua Tân, làm nhục cả quân thần nước Tân. Ta đây dâu hèn, há sợ Liêm-Pha hay sao? Tuy nhiên, ta nghĩ lại, sở dĩ nước Tân không dám đánh Triệu là vì có ta và Liêm-Pha. Nay nếu ta và Liêm-Pha hiềm khích, hại lẫn nhau, ăn Tân thừa cơ chia rẽ của chúng ta mà đem quân đánh Triệu thì nguy hại là dường nào. Vì vậy ta xem việc nước là trọng, mà thù riêng là khinh.

Bọn xá nhân nghe nói đều kính phục.

Mãi đến sau Liêm-Pha hiểu được Lạn-Tương-Nhu, lấy làm xấu hổ, ăn năn đến xin tạ tội. Từ đó, hai người kết làm anh em trọn đời không thay dạ đổi lòng.

Lạn-Tương-Như đã biết nhẫn-nhục, không oán hận người thù ghét mình, sử-dụng tấm lòng quảng-đại để lo việc lớn, nhờ vậy mà cởi mở được tâm tánh hẹp hòi của Liêm-Pha. Rốt lại, những đức-tính của Lạn-Tương-Như đã đem đến một sự tốt đẹp cho cả đại nghiệp nước Triệu và cho chính mình...»

LẤY CHÁNH TRỪ TÀ

Chánh là chánh đáng, ngay thẳng, chơn thật.
Tà là cong vạy, xéo xiên, giả dối.

Chánh là con đường ngay thẳng, con đường đạo-đức nhân-nghĩa. Tà là con đường cong queo, con đường gian ác quỉ quyết.

Muốn đi con đường thẳng trước hết phải giữ cái Tâm cho chơn chánh ngay thật, vì vậy, trong phép tu thân phải chánh tâm trước rồi sau mới tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ.

Chánh tâm là giữ cái Tâm cho chơn chánh theo ý thiêng, nương theo đường chánh Đạo, thuận tùng thiên-lý. Muốn giữ tâm chánh phải thành ý, tức là giữ cái ý cho thành, không để tư-tưởng buôn lung, phóng túng theo đường tà vạy. Kém được cái ý thì định được cái tâm.

Tâm chánh là công-bình, chánh-trực, trung hiếu, trung tín, tiết nghĩa, thanh-liêm v.v... Người hành Đạo giữ đúng luật-pháp chơn-truyền không theo Tả Đạo, mê tín dị đoan.

Nghịch với chánh tâm là tà tâm.

Tà tâm là: bất trung, bất hiếu, bất nghĩa, bội sứ, phản bạn, bội tín, lường gạt, dua nịnh, gian tham...

Giữ được chánh tâm thì đức được sáng, tâm được minh, tà thân xa lánh, Thần Thánh hộ trì. Có câu: «*Đức trọng quí thần kinh*», nghĩa là người công-bình chánh trực, đạo-đức hiền lương thì kẻ vạy tà xa lánh, đến các bậc Thần-Linh cũng mến chung giúp vùa.

Trong một bài thi của Đức Lý Đại-Tiên có câu:

«*Chánh-trực kinh oai loài giả dối,
Công-bình vùa súc kẻ chon thành.*»

Ấy vậy, lấy chánh trừ tà là trụ vững cái chánh tâm để khuất phục lòng tà vạy; dụng nét công-bình sửa nét xéo-xiên.

MỘT SỰ TÍCH: "CHÁNH-TRỰC CẨM HÓA LÒNG NGƯỜI"

*** TRIỆU-THUẨN CAN VUA ***

«... Thời Đông-Châu Liệt-Quốc, Tấn-Linh-Công là vị vua vô đạo, ham mê tửu sắc, lấy việc giết người làm vui thú.

Quan Tướng-Quốc Triệu-Thuẩn đón xa giá ở dọc đường để can vua, vua xiêu lòng hẹn sẽ sửa chữa. Có tên nịnh thần là Đô-Ngạn-Giả hay được đem lời sàm tấu, Tấn-Linh-Công nghe theo, tìm phương ám hại Triệu-Thuẩn. Đô-Ngạn-Giả bày kế:

“Tôi có biết một người tên Thư-Nghê, người ấy nghèo, lâu nay vẫn được tôi chở cắp, vì cảm cái ơn của tôi đãu chết cũng chẳng dám chối từ. Nay sai Thư-Nghê đến giết Triệu-Thuẩn át xong.”

Tấn-Linh-Công nói: “*Nếu làm được việc ấy, công của nhà ngươi rất lớn.*” Đêm hôm ấy, Đô-Ngạn-Giả gọi Thư-Nghê đến nói:

“*Triệu-Thuần chuyên quyền, nay ta phụng chiếu sai ngươi đi giết Triệu-Thuần. Vậy nhà ngươi nai nịt hận hờ, sáng mai chực sẵn ở cửa tú dinh Triệu-Thuần, chờ Triệu-Thuần vào triều thì xông ra đâm chết. Việc làm phải thận trọng chờ để hỏng việc.*”

Thư-Nghê vâng mạng, giắt một con dao vào mình thảng đến cửa dinh Triệu-Thuần. Lúc đó, trời lờ-mờ sáng, xe đã chực sẵn trước cửa, Thư-Nghê lén vào trong trông thấy Triệu-Thuần đã mặc áo đại triều, đầu đội mũ, tay cầm hốt, vẻ mặt trầm tư, đang ngồi đợi đến giờ triều kiến.

Thư-Nghê trông thấy thất kinh nghī thầm:

– “*Kẻ lo việc nước là bậc trung thần, có sao vua lại truyền giết đi? Nay ta nghe lời Đô-Ngạn-Giả giết một tôi trung là bất trung, mà không giết thì trái mạng vua, ta lại là kẻ bất tín.*”

Nghī rồi liền đứng trước cửa nói lớn. cố ý cho Triệu-Thuần nghe: “*Tôi là Thư-Nghê đây, vâng mệnh đến giết ông, nhưng thà trái mạng vua, chờ không nỡ hại kẻ trung lương.*” Nói xong, rút lưỡi dao trong mình tự-tử.

Triệu-Thuần là người trung-trực, dám liều chết can vua, mặc dù vua nghe lời sàm nịnh sai người thích khách, nhưng nội tâm Triệu-Thuần phát hiện ra ngoài một thể cách anh phong của bậc trung thần, đường đường chánh chánh, thì dù cho kẻ nịnh là Đô-Ngạn-Giả cũng khó nhẫn tâm thi-hành thủ đoạn, huống chi Thư-Nghê là người nghĩa khí làm sao khỏi cảm-xúc tâm linh, tự xủ lấy

mình bằng cái chết để vẹn toàn trung nghĩa đối với vua là người mình thọ ơn. Tuy vậy, Thư-Nghê cũng đã khéo léo, nói lớn cho Triệu-Thuẩn nghe cốt ý cho Triệu-Thuẩn biết mà tránh họa. Đó là thêm một đức-tính của người ân-hậu vậy...»

Để kết-luận đoạn 2, chúng tôi xin lập lại nguyên văn:

Lấy Thiện mà trừ Ác.

Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo tàn.

Lấy lòng quảng-đại đặng mở tâm-lý hép hòi.

Lấy chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ kiêm.

Vậy *thiện, nhơn-nghĩa, lòng quảng-đại, chánh* là *phản thể* của *huệ kiêm*. Còn *trừ ác, trừ bạo tàn, mở tâm lý hép hòi, trừ tà* là *phản dụng* của *huệ kiêm*. Bốn câu có chữ “*Lấy*” đứng đâu là bốn chiêu thức hay bốn đường thương của *huệ kiêm*.

Phương-pháp trị tâm gồm 9 điều-mục. Năm điều-mục trên thuộc về phần hàm dưỡng tâm-linh túc rèn *huệ kiêm*. Từ điều-mục «*Lấy thiện trừ ác*» trở xuống, tâm-linh đã trụ túc là *huệ kiêm* đã thành-hình mới dùng bốn chiêu thức sau cùng mà quét sạch tàn tích uẩn-trược.

ẤY LÀ ĐƯỜNG THƯƠNG HUỆ KIÊM

Huệ kiêm hay là **gươm thần huệ** là tượng trưng lợi khí sắc bén về tinh-thân, có năng-lực chặt lìa oan nghiệt, đoạn dứt trái oan, trị xảo trừ tà.

Trong kinh sách ta thường nghe:

- *Nương gươm thần huệ đoạn trừ nghiệp căn.*
- *Gươm huệ đưa tri xảo trừ tà*
- *Nương gươm thần huệ vào bờ vĩnh-sanh.*
- *Cầm gươm huệ chặt tan-tành cung thương.*

Gươm thần-huệ là huệ-trí, là sự sáng-suốt của tâm-linh.

Tâm-linh sáng-suốt mới phân biệt thiện ác, tà chánh. Có phân biệt được thiện ác, tà chánh mới có thể luyện kỷ tu thân, lấy thiện mà trừ ác, lấy chánh trừ tà, lấy thương yêu xóa bỏ hận thù.

Những tánh của con người tạo nên 7 tình, hình thành 7 dây oan nghiệt, chỉ nhờ cái gươm, cái kéo vô hình mà cắt đứt được. Đó là **gươm thần-huệ** hay “*đường thương huệ kiếm*”.

Chúng ta rèn luyện cho tâm được minh, tánh được thông suốt thì tâm tánh sẽ biến thành gươm thần-huệ, không còn là phàm nữa, tức là chúng ta sẽ đoạt được con đường siêu-thoát.

LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ



TRONG ĐOẠN TRƯỚC, Đức Hộ-Pháp dạy về phương-pháp trị Tâm, là rèn luyện cái Tâm được ngay chánh, trong sạch, không để nhiễm bởi thất-tình, lục-dục, gột bỏ những tánh hư tật xấu, để trở nên bậc chí Thánh, chí Hiền.

Trong đoạn này, Đức Hộ-Pháp dạy luyện thân, luyện trí. Luyện Tâm chưa đủ, cần phải trau giồi cái thân và cái trí mới đủ yếu-tố cấu tạo nên một con người.

Người có tam bửu là TINH, KHÍ, THÂN.

TINH thuộc về xác thân. (**Đệ nhứt xác thân**)

KHÍ thuộc về trí não, tinh thần. (**Đệ nhị xác thân**)

THÂN thuộc về linh-hồn. (**Đệ tam xác thân**)

Cả ba món báu này hợp lại gọi là “*Tam thể xác thân*”, hay là tam bửu của loài người.

Trong phương-pháp luyện thân, luyện trí, Đức Hộ-Pháp dạy:

- *Âm-thực tinh khiết.*
- *Tu-tuồng tinh khiết.*
- *Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-Tôn và Phật-Mẫu.*
- *Thương yêu vô tận.*

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Dài tại thế này.

ẨM-THỰC TINH KHIẾT

Ẩm là uống, **thực** là ăn.

Xác thân hữu-hình của con người sống được là nhờ ăn với uống, đó là khuôn luật tự nhiên của Đấng Tạo-Đoan. Sự sống của con người cũng giống như sự sống của muôn loài vạn-vật, có khác hơn là con người được Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu ban cho Chơn-Linh và Chơn-Thần để đủ ba món báu nói trên. Nếu biết trau luyện ba món báu này, thì bước được vào ngưỡng cửa Thần, Thánh, Tiên, Phật trong cảnh giới vô hình.

Xác thân là kỵ-vật của linh-hồn, là con ngựa của ta cõi để đi trong một khoảng đường đời. Không có xác thân, linh-hồn không nơi nương tựa để lập công. Không có linh-hồn thì xác thân chỉ còn là xác thú như tất cả loài thú khác. Vậy chơn-linh muốn lập công phải nương nhờ xác thân. Xác thân có cường-tráng khoẻ mạnh thì mới sống lâu, dùng đặng lâu dài. Cho nên việc ăn uống là điều cần thiết, nhưng nếu ta ăn uống thiếu điều-độ, dùng món ăn thức uống không hợp với cơ thể, không đúng phép dưỡng-sinh, phải sanh ra bệnh tật và có hại cho tinh-thần.

Ăn uống tinh-khiết không phải chỉ rửa sạch món ăn mới gọi là tinh-khiết. Tinh-khiết có nghĩa thực-vật nào ăn vào không hại đến sức khỏe, uống vào không kích thích làm rối loạn tinh-thần.

Những món ăn không phuơng hại đến sức khỏe phần nhiều như rau, đậu, khoai củ, trái cây... Còn những món ăn như cá, thịt các nhà phân-chất-học cho rằng thịt cá chứa nhiều chất độc, nếu ăn toàn thịt, người ta sẽ bị nhiễm độc, sinh ra nhiều chứng bệnh hiểm nghèo. Ngoài

ra, thịt còn làm hại cho tinh-thần, vì loài thú tiến hóa chậm, ta ăn thịt thú túc là mượn thịt thú làm thân xác mình, thì tránh không khỏi ảnh-hưởng thú-chất vốn hay sanh nóng nảy và nhiều dục-tính.

Trích lục Thánh-Giáo Đức Cao-Thượng-Phẩm ngày 9 tháng 12 Tân-Mão (1952) dạy về đệ nhứt xác thân:

“... Nói về ảnh-hưởng tốt xấu của sự ăn chay và nhục-thực, thì nhục-thực phần nhiều trong các con vật hay có các vi-trùng, nếu ăn thịt thì những vi-trùng ấy trộn theo vi-tố mà phá hoại. Lại nữa, thịt là chất sanh hơi độc, vì vậy làm cho thân thể hóa ra mệt nhọc biếng nhác. Đó là cái hại cho thể xác. Còn cái hại cho tinh-thần thì trong thịt đã chứa sẵn các thú-chất, do đó làm cho tinh-thân thường bị mê-muội, nhứt là cái hại cho đệ lục giác-quan. Đệ lục giác-quan là Thần.⁽¹⁾

Còn ăn chay thì khỏi bị vi-trùng phá-hoại và không bị hơi độc làm cho mệt nhọc. Thoảng như thảo-thực (ăn chay) mà nhuốm bệnh thì chỉ có nhịn đói, uống nước chín có chút đường sẽ lành mạnh.

Còn như nhục-thực thì phải cần thuốc, bởi vì hơi độc và vi-trùng phá hoại cơ thể.”

(1) Mỗi Tôn-Giáo đều có danh-từ triết-học riêng biệt. Đây là danh-từ triết-học của Đạo Cao-Đài.

Những thức uống không hại sức khỏe như nước sông, nước mưa, nước giếng được lọc hoặc đun sôi. Những thức uống có hại sức khỏe như rượu trắng, các thứ rượu mạnh Âu Mỹ, không nên dùng quá độ.

Rượu mạnh uống vào làm máu huyết vận-chuyển không điều-hòa, tinh-thần rối loạn, không còn biết phải trái, không biết sợ sệt và không việc gì không dám làm,

vì không còn tự-chủ được lấy mình.

(Xem trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I có bài
Thánh-Giáo của Đức Chí-Tôn về giới tửu.)

Có một câu chuyện Á-Rập đời xưa như sau:

«... Ngày kia, có một vị hung-thần hiện ra nói với anh nọ như vậy: “Số người phải chết, song ta tha thứ cho người nếu người làm được một trong ba điều này: Giết cha người, đánh chị người, hay là người uống rượu”. Người đó mới nghĩ: “Giết người sanh ra mình sao nỡ, còn đánh chị mình sao đành, thôi thì uống rượu”. Nào dè trong lúc uống rượu say, va giết ông cha rồi đánh luôn chị va.»

Câu chuyện cho chúng ta thấy sự nguy-hiểm của rượu khi ta uống quá say và ghiền phải nó là như thế nào!

Cho nên, muốn luyện thân, luyện trí, cần chú-trọng đến việc ăn uống. Các Tôn-Giáo khuyên người theo Đạo nên ăn chay và kiêng rượu (giới sát sanh và giới tửu). Nếu chay trường không được, nên giữ trai kỳ, đó là phương-pháp tập giảm bớt sát sanh thú vật và tiến lân đến việc luyện tánh tu tâm.

Đức Hộ-Pháp không buộc chúng ta ăn chay trường, nhưng với những vị nào muốn vào Tịnh-Thất thì trước đó sáu tháng phải trường-trai để có đủ thời giờ cho máu huyết được thay đổi, cơ thể được lọc-lượt cho hết chất thịt cá.

Việc ăn chay và kiêng rượu rất hệ-trọng, cho nên: “**Âm-thực tinh-khiết**” là điều quan-yếu trong phương-pháp luyện trí, luyện thân.

TƯ-TƯỞNG TINH KHIẾT

Tư-tưởng là sự suy nghĩ, tưởng đến một chuyện gì.

Tư-tưởng ở trong đệ nhị xác thân, do trí ý phát sanh. Tư-tưởng là động cơ khuấy động lục-dục thất-tình chỗi dậy trong tiềm-thức của con người.

Lục-dục là: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

Sắc là **mắt** thấy sắc đẹp mà động.

Thinh là **tai** nghe âm thanh mà mê.

Hương là **mũi** hửi mùi thơm mà muốn.

Vị là **lưỡi** nếm vị ngon mà thèm.

Xúc là **tay** **chơn** **thân** **thể** biết cảm-giác nóng, lạnh.

Pháp là **trí** **ý** biết rung cảm.

Cái “Ý”, người ta tạm gọi là giác-quan thứ sáu, Phật-Giáo gọi là “*Thức*”, vì nó ở ngoài năm giác-quan ta trông thấy được như: tai, mắt, mũi... Tư-tưởng ở trong giác-quan thứ sáu hay là “*Thức*”, hằng ngày diễn-biến không ngừng. Khi ta ngồi một mình, ta cảm thấy tư-tưởng phóng nhanh, lao-chao, bận rộn như con bướm chuyền từ bông nụ đến bông kia. Vừa suy nghĩ chuyện này chưa xong bắt suy nghĩ chuyện khác, cứ như thế suốt ngày đêm, khi nào ngủ mới thôi.

Tư-tưởng sanh ra lời nói và hành-động. Tư-tưởng có tốt có xấu. Tư-tưởng tốt thì lời nói việc làm tốt, tư-tưởng xấu thì lời nói việc làm xấu. Ta không nên khinh thường, cho rằng tư-tưởng không đáng kể, mà chỉ biết có hành-động. Những người có huệ-nhân thấy được tư-tưởng diễn-biến nhiều hình-dạng, màu sắc và có sức mạnh, mau

lẹ lẹ thường.

– Vì có hình-dạng cho nên tư-tưởng cũng yếu, cũng mạnh, cũng sống, cũng thắc. Nếu mình cứ tưởng mãi vào một việc thì hình tư-tưởng việc đó trưởng-thành và sống lâu, còn tư-tưởng một lần rồi bỏ qua thì hình tư-tưởng đó lần lần tiêu mất. Những tư-tưởng sống lâu có thể giúp ta hay là hại ta tùy theo tư-tưởng lành hay dữ. Nếu tư-tưởng lành thì giục ta làm việc thiện, tư-tưởng dữ thì giục làm ác.

– Vì có màu sắc cho nên các Đẳng Vô-Hình xem qua tư-tưởng biết ta toan tính những gì, không cần tra hỏi. Thí dụ: Lòng Từ-Bi Bác-Ái thì tư-tưởng màu sáng chói, sự nóng giận sanh ra màu đỏ bầm, tánh ích-kỷ thì màu vàng sậm và tối, tánh nào thì có màu sắc của tánh đó.

Trong một Đàn cúng, nếu mỗi người đều phát ra những tư-tưởng không tốt, thì bầu không khí nơi đó trở nên ô-trược đối với các Đẳng Thiêng-Liêng, tức là Đàn không nghiêm, phải thất lễ. Còn trái lại, mỗi người định tâm cầu nguyện vào việc lành như: thương yêu, hòa thuận, thiên-hạ thái-bình, thì các luồng tư-tưởng sẽ hiệp thành sức mạnh và lẽ dĩ nhiên sẽ được kết-quả tốt.

– Tư-tưởng có sức mạnh và di chuyển mau lẹ, cho nên các nhà thôi miên biết điều-khiển tư-tưởng mà sai khiến mọi việc theo ý muốn. Các nhà chuyên khoa Pháp-môn tập trung tư-tưởng truyền từ-diễn cho người bệnh ở cách xa cả mấy trăm cây số để trị hết bệnh.

Đã nhận-thức được tác-dụng và sự lợi hại của tư-tưởng cho nên những vị tu tâm luyện tánh hằng giữ gìn tư-tưởng từng giờ từng phút, vì tư-tưởng tốt chẳng những có lợi cho bản thân mà còn giúp cho người khác chung

quanh mình biến đổi từ tánh xấu đến tánh tốt do nơi sự rung cảm của tư-tưởng tốt của mình, làm kích-thích cái trí của người kia trở thành tư-tưởng thanh cao như vậy.

Trái lại, tư-tưởng xấu của ta bay đi, xúi người khác làm quấy do sự rung cảm tư-tưởng của ta đồng bản tánh với người đó. Ngoài ra, tư-tưởng xấu như tánh ích-kỷ, sự thù hằn, lòng đố kỵ v.v... làm mờ tối lý-trí gây ra những thành-kiến đổi với người khác chỉ vì nhận-định người khác không đúng, chẳng khác nào ta đeo kính màu mà xem đồ vật thì màu xanh thấy đen vậy.

Tóm lại, tư-tưởng quấy có ba điều hại:

- a.– Ta làm cái trí trở nên xấu là ta hại ta trước đã.
- b.– Ta hại những người ở chung quanh ta.
- c.– Ta thêm sự khổ cho đời do ảnh-hưởng xấu của tư-tưởng ta.

Muốn giữ tư-tưởng được tinh-khiết phải làm chủ được tư-tưởng, định tâm định trí hướng-dẫn tư-tưởng theo điều lành điều phải, bằng không thì sự phóng-tung của tư-tưởng kéo lôi theo phàm tánh, tạo nguyên-nhân tội lỗi mà chính ta vô tình không hay, không biết.

PHẦN PHỤ: LUẬT PHẢN-KÍCH (LOI DU CHOC EN RETOUR)

Nếu tư-tưởng hung ác xông vào một cái hào-quang thanh bạch (đệ nhị xác thân của người hiền-đức) thì nó bị di trở lại rất mạnh. Khi di ra nó phải tìm con đường nào phù hợp với nó, mà con đường phù hợp là con đường của nó mới đi đó.

Như thế nó sẽ di trở lại cho con người làm ra tư-tưởng

hung ác, đó là “*Luật Phản-Kích*”. Cái ác mà trước kia và muốn gây cho người nay chính và phải mang lấy. Cho nên nói rằng: “*Làm ác thì gặp ác, làm lành thì gặp lành*” là vậy.

Đối với một người hiền-lương và tấn-hóa cao mà ta lại có ý muốn hảm hại thì chẳng khác nào ta sắp trở giáo đâm ta vậy. Những hình tư-tưởng hung tợn khi đến hào-quang⁽¹⁾ của người kia, chẳng những không làm được một mảy may thiệt hại gì mà nó còn di trở lại cho ta để phạt ta đau khổ về Thân, Tâm và Trí một lượt.

(Rút trong quyển «*Cái trí*» của ông Bạch-Liên)

– Đó là: «*Lấy Thiện trừ Ác, lấy Tốt trừ Xấu*» rất hiệu-nghiệm như đoạn trước «*Phương Luyện-Kỷ*» đã dạy.

(1) **Hào-quang:** Mọi người đều có hào-quang hoặc ít hoặc nhiều, hoặc tốt hoặc xấu do cái Vía và cái Phách chiếu ra.

TÍN-NGƯỠNG MẠNH MẼ NƠI CHÍ-TÔN VÀ PHẬT-MẪU

Tín là tin, không nghi-ngờ điều chi cả.

Ngưỡng là ngang mắt nhìn lên – kính mến.

Tín-ngưỡng (Foi, Croyance) là lòng tin-tưởng chon thật một cách kính mến đối với các Đấng Thiêng-Liêng, các bậc cao siêu.

(Xin xem phần giải-thích về “**Đức Tin**” trang 39).

Chí-Tôn và Phật-Mẫu là ai?

Tại sao chúng ta tín-ngưỡng mạnh mẽ nơi hai Đấng?

Đức Chí-Tôn: Hán-văn viết Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, người Việt-Nam thường gọi là Ông Trời, Âu Mỹ gọi là Dieu, dân cổ Do-Thái (Hebreux) gọi Jéhovah... v.v...

là Đấng Tạo-Đoan cả Càn-Khôn Vũ-Trụ, làm chủ phần Dương, là Ngôi Thứ Nhứt (Premier Logos), Chúa Tể cả muôn loài vạn-vật. Quyền hành Đức Chí-Tôn đã tả trong bài «*Ngọc-Hoàng Kinh*».

Đức Phật-Mẫu: Hán-tự viết Thiên-Hậu Chí-Tôn (Bà Vua Trời), người Á-dông nhứt là Trung-Hoa và Việt-Nam gọi là Bà Mẹ Sanh của con người, của cả muôn loài vạn-vật trong Càn-Khôn Võ-Trụ, làm chủ phần Âm, là Ngôi Thứ Hai (Deuxième Logos), kế Đức Chí-Tôn. Quyền-hành và diệu-pháp của Đức Phật-Mẫu đã tả trong bài «*Phật-Mẫu Chơn-Kinh*», Đức Hộ-Pháp có giải-thích trên giảng đài Đền Thờ Phật-Mẫu nhơn ngày Vía Phật-Mẫu năm Đinh-Hợi (1947).

Đối với Đức Chí-Tôn và Đức Phật-Mẫu, chúng ta phải đặt cả sự tin-tưởng chân thành, nên đem cả thể xác lẫn tâm hồn làm tể-vật hiến dâng cho hai Đấng xứng dụng. Vì cả thân thể, trí não, tâm hồn chúng ta đều do hai Đấng Tạo-Hóa tạo nên. Hai Đấng Tối Cao là Toàn-Linh, Toàn-Tri, Toàn-Năng, Quyền-Pháp vô đối, Huyền-Diệm vô biên, Ái-Yêu vô tận, nên chúng ta để trọn đức-tin một cách mãnh liệt, đặt hết tinh-thân noi theo gương của Người, hy-sinh, phung-sự, thực-thi Chơn-Pháp Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Đặt trọn Đức-Tin vào hai Đấng thì tâm hồn chúng ta không còn mãnh-lực nào chi phối, dẫn-dắt. Năng-lực Đức-Tin giúp ta thành công trên đường đời bao nhiêu thì năng-lực đó đối với Đức Chí-Tôn và Đức Phật-Mẫu là Đấng Tự-Hữu Hằng-Hữu sẽ ban cho chúng ta nhiều ân-huệ phi thường để thành công trong nghiệp Đạo bấy nhiêu.

Ấy vậy, «*Tín-ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí-Tôn và Phật-Mẫu*» là nguyên động-lực giúp ta đi đến thành công

trên con đường Tu Thân Luyện Kỷ. Đó là bí-quyết đoạt Đạo-Pháp vô biên.

**THƯƠNG YÊU VÔ TẬN.
ẤY LÀ CHÌA KHÓA MỞ CỬA BÁT-QUÁI-ĐÀI TẠI THẾ NÀY.**

Thương yêu vô tận, tức là thể hiện lòng Từ-Bi, Bác-Ái.

Bác-Ái là lòng thương rộng rãi, xuất phát nơi lòng Nhân, bao la vô cùng tận.

Đức Thương-Đế là Đấng háo sanh muôn vật, nên gọi là Đấng Tạo-Đoan, là hình tướng của khối thương yêu bao trùm cả Càn-Khôn Thế-Giới. Bao nhiêu tinh đầu, bao nhiêu giải Ngân-Hà của vũ-trụ bao la kia nếu ta đếm không nỗi, tính không hết, thì lòng thương của Đức Đại-Tử-Phụ và Đại-Tử-Mẫu cũng rộng lớn vô biên mà trí phàm không hạn định được.

Thu hẹp lại trong cảnh giới chúng ta đang ở, chỉ là một hột cát trong sa-mạc, nơi nào có sự hóa sanh của vạn-vật hữu-hình thì sự thương yêu của Đức Chí-Tôn tới đó.

Chúng ta cũng là một thực-thể, một sức sống hữu linh thì lẽ đương nhiên chúng ta đã thụ hưởng một di-sản «THƯƠNG YÊU» của Tạo-Hóa.

Đã là vật hữu linh trong Trời-Đất, con người cũng phải đồng tánh cùng Trời-Đất, phải nuôi dưỡng tánh “*Thương yêu*” mới hòa đồng cùng Trời-Đất. Nghịch lại với tánh thương yêu là nghịch với cơ sanh hóa, là tự diệt. Vì vậy, trong Thánh-Ngôn, Đức Chí-Tôn có dạy:

«Các con là cơ-thể của sự thương yêu mà các con không hiểu sự thương yêu là gì? Sự thương yêu là giêng bảo sanh

của Càn-Khôn Thể-Giải. Có thương yêu, nhơn loại mới hòa-bình, càn-khôn mới an-tịnh. Đặng an-tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa. Còn nghịch với cơ sanh hóa là Quỷ-Vương, Quỷ-Vương là tay diệt hóa. Vậy Thầy cấm các con từ đây nếu không đủ sức thương yêu thì cũng chẳng đặng ghét nhau nghe à!»

Rồi Đức Chí-Tôn còn dạy:

“Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh-đức của Thầy.

Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực-Lạc Thể-Giới và Bạch-Ngọc-Kinh.”

CHƠN-TƯỚNG CỦA SỰ THƯƠNG YÊU

Về chơn-tướng của sự thương yêu, Đức Hộ-Pháp có giảng như sau:

«Từ buổi sơ khai, Đức Chí-Tôn lập ra một Chơn-Luật, buộc cả nhơn-loại phải thi hành tức là một con đường “**Thiên-Limb**” của Chí-Tôn đào tạo để cho nhơn-sanh do theo con đường ấy mà tiến-hóa lên đến các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hết tấn-bộ thì đạt Đạo, còn thối bộ thì sa ngã theo tà-quái. Luật-pháp của các nhà Tôn-Giáo xưa nay lập ra nhiều khoản, nhơn-sanh người thông-minh thì ít, kẻ dốt nát là phần đông nên không thể thi-hành cho trọn.

Còn Chơn-Luật của Đức Chí-Tôn chẳng có nhiều, duy cần yếu hai chữ “**Thương Yêu**” mà thôi, thì nhơn-sanh đâu hạng nào cũng có thể thi-hành được tất cả.

Đến như loài tể-vi là mối, ong, kiến cũng biết giữ luật Thương Yêu, thuận-hòa cùng nhau kết dây đoàn-thể, tương-thân tương-ái với nhau tạo thành hang ổ có trật-tự

phân minh, ấy là cơ tần-hóa mạnh mẽ của loài động-vật.

Nói về gia-dinh thì có cha, con, chồng, vợ, anh, em lan tràn ra cho tới nhơn-quần xã-hội, đồng-chủng quốc-dân cũng do nơi mặt luật Thương Yêu mà được hòa-bình, an cư lạc-nghiệp. Nếu cả thảy chẳng thật-hành y theo Chơn-Luật ấy thì tức nhiên mất sự điều-hòa, đã chẳngặng tần-hóa đến cảnh Thiêng-Liêng mà trái lại nảy sanh ra một trường tranh cạnh thù nghịch lẫn nhau, tức là tạo thành cơ tự-diệt.

Sự thương yêu của Đức Chí-Tôn đối với nhơn-loại vô lượng vô biên, không có giới-hạn nào mà tả ra cho cùng tận được. Ví như một gia-dinh phân làm cha mẹ thấy một bầy con nghèo nàn khổ não thì biết rằng cha mẹ thương con là thế nào. Còn trong thế-giới từ vật-chất côn trùng, thảo mộc, thú cầm cho tới nhơn-loại đều là con chung của Đấng Tạo-Hóa thì sự thương yêu của Đức Chí-Tôn bao la quảng-đại chẳng biết tới đâu là bờ bến. Những sự bi ai thống-khổ của chúng-sanh ở cõi trần này bao nhiêu, thì sự thương-tâm đau đớn của Đức Chí-Tôn cũng bao nhiêu.

Chơn-Luật Thương Yêu của Thầy lập ra, nhơn-sanh chưa thi-hành thì mặt luật ấy đã buộc Thầy thực-hành trước hết. Nên Thầy giáng cơ nói rằng: “**Sự khổ hạnh của các con chưa than, thì Thầy đã than trước. Các con chưa khóc thì Thầy đã khóc rồi.**”

Ngày nào toàn cả nhơn-sanh biết thật-hành chủ-nghĩa Thương Yêu cho ra chơn-tướng thì tức nhiên là ngày của nhơn-sanh thoát khổ.”

Tóm lại: Con người cùng vạn-vật đều do nơi luật Thương Yêu mà tiến-hóa lên đến các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật, hiệp một cùng Đức Chí-Tôn gọi là cơ đoạt Đạo.

“Thương Yêu là chìa khóa mở cửa Bạch-Ngọc-Kinh”.

LÀM THẾ NÀO THỰC-HIỆN SỰ THƯƠNG YÊU?

Vẫn biết mặt luật Thương Yêu là như thế nào rồi, danh-từ Thương Yêu ai cũng biết nói nhưng khó thật-hành cho ra chơn-tướng.

Thứ nghĩ: *Anh em trong gia-dình bát hòa là do đâu?*

– *Là do không biết thương yêu với tình cốt-nhục. Vợ chồng ghen ghét, chia rẽ nhau là do đâu? – Là do không còn giữ sự thương yêu như buổi ban đầu. Anh em bậu bạn bát hòa, xích-mích, thù nghịch là do đâu? – Là do thiếu sự thương yêu. Một đoàn-thể rối loạn, hàng ngũ ly tán là do đâu? – Là do thiếu sự đoàn-kết thương yêu. Nhơn-loại bát hòa, sát hại lẫn nhau, sanh ra chiến-tranh là do đâu? – Là do đã mất sự thương yêu trong tình đồng-loại.*

Sự thương yêu xuất phát nơi lòng nhân, thương người mến vật, khoan-dung rộng lượng trước sự sơ-sót, lõi-lầm của người. Biết đau đớn khi thấy cái khổ của người. Biết gây cảm tình trước nghịch cảnh. Biết động lòng trắc-ẩn trước cảnh-trạng bi-đát thương tâm của người.

Thương yêu đối với một người mà ta kính, ta mến, ta ưa thì rất dễ. Trái lại, thương yêu người đang ghét ta, đang thù ta mới là khó, nhưng khó mà làm đặng mới đáng quý, mới phi thường.

Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Jésus Christ có dạy:

“Hãy thương yêu kẻ thù nghịch mình. Làm lành cho kẻ ghen ghét mình. Chúc phước cho người nguyễn rửa mình. Cầu nguyện cho kẻ lăng mạ mình. Ai vả má người bên này, hãy đưa luôn má bên kia.

Nếu các người thương yêu kẻ thương mình thì có ơn chi? Vì ai ai cũng thương yêu kẻ thương yêu mình. Nếu các người làm lành cho kẻ làm lành với mình thì có ơn chi? Vì ai ai cũng làm như vậy được.”

Đức Hộ-Pháp cũng đã dạy:

«Chúng ta thương yêu bà con thân thuộc là kiêm xu và bạc cắc. Thương rộng ra nhơn-quần xã-hội là kiêm bạc đồng bạc chục. Thương cho được kẻ thù của mình là kiêm vàng khói đó vây.»

Nếu chúng ta thật hành được sự thương yêu tức là chúng ta đã đạt được Chơn Luật của Đức Chí-Tôn, là bí-quyết của cơ đắc Đạo. Đó là “**Chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Dài tại thế**” nầy vậy.

CHUNG

10 ĐIỀU CẤM-RĂN

CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP RIÊNG CHO TÍN-ĐỒ PHẠM-MÔN
PHƯỚC-THIỆN – THIỀN-HỈ-ĐỘNG



1. Phải tuân-y luật-pháp Chơn-Truyền của CHÍ-TÔN.
2. Phải trọng hiếu với Tông-đường Phụ-Mẫu, trọng nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha.
3. Phải giữ Trai-giới.
4. Phải xa-lánh các Đảng-phái.
5. Phải thật-hành Phước-Thiện, giúp kẻ cô-thế, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
6. Không đặng thâu của Chúng-Sanh.
7. Phải coi Đồng-đạo như anh em ruột thịt.
8. Chẳng đặng Bội-Sư, phản bạn.
9. Phải ở như các Thánh-Hiền, đừng phạm tội vong-công bội-đức.
10. Phải thương yêu cả loài người và loài-vật, kính trọng mạng-sanh đặng vừa theo Thánh-Chất của CHÍ-TÔN là CHÚA sự sống.

Lời của ĐỨC HỘ-PHÁP nói tại NỮ ĐÂU-SƯ-ĐƯỜNG “cũ” bằng tranh năm 1946 trong cuộc hội họp đủ mặt Chức-Sắc Thiên-Phong và toàn Đạo Nam Nữ khi Đức Ngài mới vừa Hồi-Loan:

«Trước giờ đi hải-ngoại để cho mẩy em “**10 MÓN BỬU-PHÁP**” nếu em nào làm được là THÁNH tại thế khỏi cần đi đâu hết.

Chư-Thánh Lương-Dài làm chứng cho lời nói của BẢN-ĐÀO tại mặt thế này hay về Thiêng-Liêng cũng vậy.»

Đức Ngài truyền đọc lên **10 ĐIỀU CẨM-RẮC** cho Hội-Thánh và Tín-Đồ nghe.

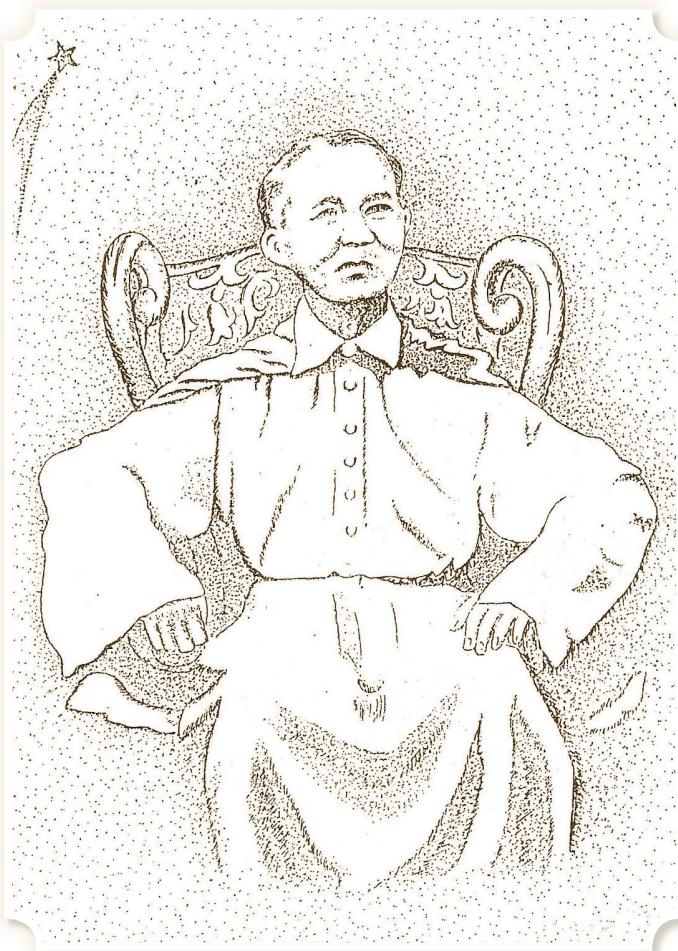
THI ĐỨC CHÍ-TÔN

*Đỗ lụy Thầy phân cung nghẹn-ngào,
Các con đau Thầy há vui sao!
Còn Lời còn dạy chim chung-tổ,
Vắng tiếng vắng khuyên ngựa rẽ tàu.
Xét quấy lo tròn nhân-đức trước,
Độ Đời mới vẹn nghĩa ân sâu.
Thương nhau phải lúc chung vai-gánh,
Danh-giá đúng quên Đạo đúng đầu.*

TRÍ-HUỆ-CUNG, Ngày 15 tháng Giêng Năm Ất-Mão.

BAN KÝ-LÃO TRÍ HUỆ-CUNG PHẠM-MÔN

(L. D. T.)



ĐỨC HỘ-PHÁP

**PHƯƠNG LUYÊN KỶ
của ĐỨC HỘ-PHÁP**